

THÔNG TƯ

Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân, gồm:

1. Hình thức, nội dung, chương trình đào tạo lái xe; tiêu chuẩn, điều kiện của cơ sở đào tạo lái xe; cấp Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe (gồm cấp, đổi, cấp lại, thu hồi Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe); tiêu chuẩn, điều kiện Giáo viên dạy lái xe; cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe (gồm cấp, đổi, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe); cấp Giấy phép xe tập lái (gồm cấp, đổi, cấp lại, thu hồi Giấy phép xe tập lái).

2. Hình thức, nội dung, quy trình, quản lý sát hạch để cấp Giấy phép lái xe; tiêu chuẩn, điều kiện của trung tâm sát hạch lái xe và cấp Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân (gồm cấp, đổi, cấp lại, thu hồi Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân); tiêu chuẩn sát hạch viên, tổ chức tập huấn, cấp Thẻ sát hạch viên (gồm cấp, đổi, cấp lại, thu hồi Thẻ sát hạch viên); Hội đồng sát hạch lái xe; trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch lái xe.

3. Cấp giấy phép lái xe Công an nhân dân (gồm cấp, đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe).

4. Hình thức, nội dung, chương trình bồi dưỡng, kiểm tra kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; tiêu chuẩn, trách nhiệm của cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng; cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (gồm cấp, đổi, cấp lại, thu hồi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là Công an các đơn vị, địa phương).

2. Cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân.

3. Cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe trong Công an nhân dân.

4. Người thực hiện, tham gia công tác đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Đối tượng được đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe Công an nhân dân; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân

Các đối tượng sau đây được đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân (sau đây gọi chung là cán bộ, chiến sĩ), gồm:

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ Công an nhân dân.

2. Học viên các học viện, trường Công an nhân dân, trừ học viên hệ dân sự.

3. Công nhân công an; người có hợp đồng lao động hưởng lương ngân sách nhà nước tại Công an các đơn vị, địa phương do thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương trực tiếp ký kết với người lao động, gồm hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng và hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. *Giấy phép lái xe Công an nhân dân* là giấy phép lái xe do Bộ Công an cấp cho cán bộ, chiến sĩ để điều khiển một hoặc một số loại xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại Thông tư này.

2. Giấy phép lái xe hệ dân sự là giấy phép lái xe do Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) cấp hoặc giấy phép lái xe do Bộ Công an cấp cho người điều khiển xe cơ giới đường bộ quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.

Điều 5. Thẩm quyền tổ chức đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe Công an nhân dân; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. Cục Cảnh sát giao thông có thẩm quyền:

a) Tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái xe cho cán bộ, chiến sĩ các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an; học viên các học viện, trường Công an nhân dân; học viên đào tạo lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe thuộc các học viện, trường Công an nhân dân, đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an;

b) Tổ chức sát hạch lại các trường hợp có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng, đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe các hạng cho cán bộ, chiến sĩ các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an.

2. Phòng Cảnh sát giao thông có thẩm quyền:

a) Tổ chức đào tạo, sát hạch lái xe mô tô các hạng A, B1;

b) Tổ chức sát hạch lái xe các trường hợp do cơ sở đào tạo lái xe thuộc Công an cấp tỉnh đào tạo cho cán bộ, chiến sĩ thuộc phạm vi quản lý của Công an cấp tỉnh và cán bộ, chiến sĩ các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an có trụ sở trên địa bàn khi có đề nghị;

c) Tổ chức sát hạch lại các trường hợp có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng, đổi, cấp lại giấy phép lái xe các hạng cho cán bộ, chiến sĩ thuộc phạm vi quản lý của Công an cấp tỉnh, cán bộ, chiến sĩ các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an có trụ sở trên địa bàn khi có đề nghị;

d) Thu hồi giấy phép lái xe các hạng cho cán bộ, chiến sĩ thuộc phạm vi quản lý của Công an cấp tỉnh, cán bộ, chiến sĩ các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an có trụ sở trên địa bàn.

3. Cơ sở đào tạo lái xe trong Công an nhân dân tổ chức đào tạo lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân.

4. Các học viện, trường Công an nhân dân tổ chức đào tạo lái xe cho học viên khoa Cảnh sát giao thông.

Điều 6. Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng, sát hạch, phần mềm, cơ sở dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe Công an nhân dân, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. Cục Cảnh sát giao thông tổ chức xây dựng tài liệu đào tạo, sát hạch, bồi dưỡng gồm: giáo trình đào tạo lái xe, tài liệu tập huấn, bộ câu hỏi sát hạch lái xe, giáo trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, đăng tải bộ câu hỏi sát hạch lái xe trên Trang thông tin điện tử của Cục Cảnh sát giao thông.

2. Cục Cảnh sát giao thông tổ chức xây dựng phần mềm sát hạch lý thuyết, phần mềm sát hạch thực hành kỹ năng lái xe ô tô cơ bản chấm điểm tự động; phần mềm quản lý giấy phép lái xe trình lãnh đạo Bộ Công an phê duyệt.

3. Cục Cảnh sát giao thông chủ trì, phối hợp với Phòng Cảnh sát giao thông xây dựng cơ sở dữ liệu và số hóa hồ sơ về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe Công an nhân dân, kết nối, chia sẻ với các cơ quan, đơn vị theo quy định.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định các giấy tờ liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe Công an nhân dân, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông (sau đây gọi chung là người có thẩm quyền) có thẩm quyền quyết định các giấy tờ thuộc phạm vi quản lý như sau:

a) Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo lái xe trong Công an nhân dân; Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân;

b) Cấp, đổi, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe, Giấy phép xe tập lái, giấy phép lái xe;

c) Quyết định mở lớp đào tạo lái xe; Quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe;

d) Quyết định thu hồi Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe, Quyết định thu hồi Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân;

đ) Quyết định thành lập Hội đồng hủy biểu mẫu và các giấy tờ liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe;

e) Thông báo tiếp nhận, trả lời xác minh về giấy phép lái xe.

2. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông có thẩm quyền cấp, đổi, cấp lại, thu hồi thẻ sát hạch viên.

3. Người đứng đầu cơ sở đào tạo lái xe có thẩm quyền cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân.

4. Giám đốc học viện, Hiệu trưởng các trường Công an nhân dân có thẩm quyền cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe cho học viên khoa Cảnh sát giao thông.

Điều 8. Phí sát hạch, lệ phí cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe Công an nhân dân

Phí sát hạch, lệ phí cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe, mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí sát hạch, lệ phí cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe Công an nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 9. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Định kỳ 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất, cơ sở đào tạo lái xe báo cáo Cục Cảnh sát giao thông tình hình, kết quả công tác đào tạo lái xe, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và năng lực đào tạo.

2. Định kỳ hàng tháng, 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất, Phòng Cảnh sát giao thông báo cáo tình hình, kết quả công tác đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép lái xe Công an nhân dân của địa phương và chuyển dữ liệu quản lý giấy phép lái xe Công an nhân dân của địa phương về Cục Cảnh sát giao thông.

3. Cục Cảnh sát giao thông tổng hợp, quản lý dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ do Công an các địa phương, cơ sở đào tạo lái xe chuyển về để phục vụ yêu cầu công tác.

Điều 10. Các biểu mẫu, phụ lục sử dụng trong công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe Công an nhân dân, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. Đơn đề nghị học, sát hạch, cấp giấy phép lái xe (Mẫu số 01).
2. Đơn đề nghị học, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (Mẫu số 02).
3. Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe (Mẫu số 03).

4. Biên bản kết quả kiểm tra bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (Mẫu số 04).
5. Danh sách đề nghị cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe (Mẫu số 05).
6. Danh sách xe ô tô đề nghị cấp giấy phép xe tập lái (Mẫu số 06).
7. Xác nhận thông tin hồ sơ giấy phép lái xe (Mẫu số 07).
8. Sổ cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe (Mẫu số 08).
9. Sổ cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (Mẫu số 09).
10. Sổ quản lý giấy phép lái xe (Mẫu số 10).
11. Sổ lên lớp (Mẫu số 11).
12. Sổ theo dõi sử dụng phôi giấy phép lái xe (Mẫu số 12).
13. Sổ theo dõi sử dụng phôi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (Mẫu số 13).
14. Phù hiệu “Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe” (Mẫu số 14A).
15. Phù hiệu “Phó Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe” (Mẫu số 14B).
16. Phù hiệu “Ủy viên Hội đồng sát hạch lái xe” (Mẫu số 14C).
17. Phù hiệu “Thư ký Hội đồng sát hạch lái xe” (Mẫu số 14D).
18. Phù hiệu “Sát hạch viên” (Mẫu số 14E).
19. Giấy phép lái xe Công an nhân dân (Mẫu số 15).
20. Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe (Mẫu số 16).
21. Giấy phép xe tập lái (Mẫu số 17).
22. Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (Mẫu số 18).
23. Chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe (Mẫu số 19).
24. Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe (Mẫu số 20).
25. Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân (Mẫu số 21).
26. Quyết định mở lớp đào tạo lái xe (Mẫu số 22).
27. Quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe (Mẫu số 23).

28. Quyết định thành lập Hội đồng hủy biểu mẫu và các giấy tờ liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe (Mẫu số 24).

29. Báo cáo mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân (Mẫu số 25).

30. Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình hạng A (Phụ lục I).

31. Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình hạng B1 (Phụ lục II).

32. Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình hạng B, C1, C, D1, D2, D (Phụ lục III).

33. Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE (Phụ lục IV).

34. Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trên đường hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE (Phụ lục V).

35. Thực hành kỹ năng lái xe tiến, lùi qua hình chữ chi và quay đầu xe trong sân hẹp (Phụ lục VI).

36. Bài sát hạch kỹ năng lái xe nâng cao mô tô hạng A (Phụ lục VII).

37. Bài sát hạch kỹ năng lái xe nâng cao mô tô hạng B1 (Phụ lục VIII).

38. Bài sát hạch kỹ năng lái xe nâng cao ô tô hạng B, C1, C (Phụ lục IX).

Chương II

ĐÀO TẠO LÁI XE

Mục 1

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO LÁI XE

Điều 11. Cơ sở đào tạo lái xe và cấp, đổi, cấp lại, thu hồi Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe

1. Cơ sở đào tạo lái xe là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật; phải bảo đảm về năng lực đào tạo, bao gồm: tiêu chuẩn, điều kiện về cơ sở vật chất, xe tập lái, giáo viên dạy lái xe theo quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14 Thông tư này và được người có thẩm quyền cấp Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe.

2. Cơ sở đào tạo lái xe chỉ được đào tạo số lượng học viên không quá số lượng học viên theo Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe.

3. Cấp Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe

a) Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe được cấp khi đề nghị công nhận năng lực đào tạo lái xe lần đầu hoặc khi thay đổi năng lực đào tạo lái xe;

b) Hồ sơ đề nghị cấp gồm: văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe; Quyết định thành lập cơ sở đào tạo lái xe (đối với trường hợp đề nghị công nhận năng lực đào tạo lái xe lần đầu); Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe đã được cấp (đối với trường hợp thay đổi năng lực đào tạo lái xe); các tài liệu chứng minh tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Thông tư này;

c) Trình tự giải quyết: cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, gửi về Cục Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông (sau đây gọi chung là cơ quan có thẩm quyền). Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Thông tư này. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền cấp Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe; trường hợp không đủ điều kiện cấp, thì phải trả lời bằng văn bản về việc không cấp và nêu rõ lý do.

4. Đổi Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe

a) Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe được đổi khi bị sai thông tin hoặc bị hỏng;

b) Hồ sơ đề nghị đổi gồm: văn bản đề nghị đổi Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe; Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe đã cấp;

c) Trình tự giải quyết: cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, gửi về cơ quan có thẩm quyền. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền đổi Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe; trường hợp không đổi thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Cấp lại Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe

a) Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe được cấp lại khi bị mất;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại gồm: văn bản đề nghị cấp lại Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe, nêu rõ lý do bị mất;

c) Trình tự giải quyết: cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, gửi về cơ quan có thẩm quyền. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền cấp lại Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe; trường hợp không cấp lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Thu hồi Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe

a) Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe bị thu hồi khi cấp sai thẩm quyền hoặc cơ sở đào tạo lái xe không bảo đảm một trong các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Thông tư này hoặc cơ sở đào tạo lái xe không tổ chức đào tạo lái xe trong khoảng thời gian 24 tháng liên tục hoặc cơ sở đào tạo lái xe bị hợp nhất, sáp nhập, giải thể;

b) Trình tự giải quyết: trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ sở đào tạo lái xe có văn bản đề nghị thu hồi hoặc tại thời điểm phát hiện Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe thuộc trường hợp bị thu hồi, người có thẩm quyền ra quyết định thu hồi và thông báo cho cơ sở đào tạo lái xe. Cơ sở đào tạo lái xe có trách nhiệm nộp lại Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe cho cơ quan có thẩm quyền ngay sau khi Quyết định thu hồi có hiệu lực.

Điều 12. Tiêu chuẩn, điều kiện về cơ sở vật chất

Cơ sở đào tạo lái xe phải có các phòng học pháp luật về giao thông đường bộ, cấu tạo ô tô, kỹ thuật lái xe; phòng giáo viên; xưởng thực tập bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; sân tập lái xe thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo bảo đảm thời gian thực hiện đào tạo; bố trí đường tập lái xe bảo đảm theo tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với phòng học pháp luật về giao thông đường bộ

a) Bảo đảm diện tích từ $0,7m^2$ trở lên cho mỗi học viên;

b) Có thiết bị nghe nhìn; hệ thống biển báo hiệu đường bộ, sa hình bố trí các tình huống giả định;

c) Phòng học lý thuyết trên máy tính được bố trí riêng biệt; hệ thống máy tính gồm máy chủ, máy in và ít nhất 10 máy tính được kết nối mạng, có cài đặt phần mềm học và sát hạch lý thuyết do Cục Cảnh sát giao thông ban hành.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với phòng học cấu tạo ô tô

a) Bảo đảm diện tích từ $50m^2$ trở lên, bố trí tối đa không quá 35 học viên;

b) Có mô hình hoặc hình ảnh 3D cấu tạo động cơ, hệ thống truyền lực, hệ thống điện; cấu tạo và nguyên lý hoạt động của động cơ, hệ thống truyền lực, hệ thống treo, hệ thống phanh, hệ thống lái.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với phòng học kỹ thuật lái xe

a) Bảo đảm diện tích từ $50m^2$ trở lên, bố trí tối đa không quá 35 học viên;

b) Có mô hình, đồ dùng giảng dạy, sa hình thu nhỏ hoặc hình ảnh mô hình 3D để dạy thao tác lái xe cơ bản, kỹ năng và kinh nghiệm lái xe trên các loại đường;

c) Có ca bin điện tử hoặc đầu ca bin thực tế kê cao bảo đảm an toàn để tập số nguội (thao tác khi động cơ nổ) và thiết bị hỗ trợ khác.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với phòng giáo viên

a) Có bàn, ghế, tủ đựng tài liệu, đồ dùng giảng dạy cần thiết;

b) Có bảng ghi chương trình đào tạo và tiến độ đào tạo.

5. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với xưởng thực tập bảo dưỡng, sửa chữa ô tô

a) Bảo đảm diện tích từ 50m^2 trở lên, bố trí tối đa không quá 35 học viên;

b) Có mô hình chi tiết và tổng thành của hệ thống gầm, động cơ, điện, hệ thống cung cấp nhiên liệu, hệ thống phanh, hệ thống lái;

c) Bảo đảm yêu cầu về an toàn cho người lái xe thực tập;

d) Được trang bị đồ nghề chuyên dùng để thực hành thao tác kiểm tra điều chỉnh các hệ thống động cơ, gầm, điện ô tô, phanh, lái và các bộ phận cần thiết khác.

6. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với sân tập lái xe

a) Sân tập lái xe phải bố trí các hình liên hoàn hoặc từng hình tập tương ứng với tiêu chuẩn hình thi tại trung tâm sát hạch lái xe, bảo đảm loại xe điều khiển phù hợp với từng hạng giấy phép lái xe đào tạo;

b) Diện tích sân tập tối thiểu đối với từng hạng xe như sau:

Sân tập lái xe hạng A, B1: 1.000m^2 ;

Sân tập lái xe hạng B: 8.000m^2 ;

Sân tập lái xe hạng C1, C: 10.000m^2 ;

Sân tập lái xe hạng D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE: 14.000m^2 ;

c) Sân tập lái xe ô tô phải có đủ hệ thống biển báo hiệu đường bộ, bề mặt làn đường và hình tập lái; trong sân phải được rải thảm nhựa hoặc bê tông xi măng, có đầy đủ vạch sơn kẻ đường; có nhà chờ cho học viên; có đủ tình huống các bài học theo nội dung chương trình đào tạo;

d) Đối với cơ sở đào tạo lái xe ô tô có lưu lượng đào tạo từ 1.000 học viên trở lên phải có ít nhất 02 sân tập lái xe;

đ) Bảo đảm diện tích tối thiểu để bố trí các bài thực hành nâng cao mô tô là 800m^2 , ô tô là 500m^2 .

7. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với đường tập lái xe

Đường tập lái xe được bố trí trên tuyến đường có đủ các tình huống giao thông (giao nhau cùng mức, chỗ rộng, chỗ hẹp, có đoạn lên dốc, xuống dốc, mật độ tham gia giao thông ở mức trung bình) và được ghi rõ trong Giấy phép xe tập lái.

Điều 13. Tiêu chuẩn, điều kiện xe tập lái và cấp, đổi, cấp lại, thu hồi Giấy phép xe tập lái

1. Xe mô tô dùng để tập lái

Cơ sở đào tạo lái xe mô tô phải trang bị xe mô tô tập lái có dung tích xi lanh hoặc có công suất động cơ điện tương ứng với hạng đào tạo và phải bảo đảm về an toàn kỹ thuật, được đăng ký, gắn biển số theo quy định. Xe mô tô dùng để tập lái thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe.

2. Xe ô tô dùng để tập lái

a) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô phải trang bị xe ô tô loại chuyển số cơ khí và xe ô tô loại chuyển số tự động đối với hạng B. Xe ô tô dùng để tập lái thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe;

b) Xe ô tô tập lái phải có: bộ phận phanh phụ kết cấu chắc chắn và bảo đảm an toàn; được đăng ký, gắn biển số đúng quy định; có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn thời hạn sử dụng; gắn 02 biển “TẬP LÁI”, 01 biển ở đầu xe trên thanh cản phía trước và 01 biển ở cuối xe trên thanh cản phía sau hoặc phía sau bên trái thùng xe theo mẫu quy định, biển có nền xanh, chữ màu trắng, kích thước như sau: đối với xe hạng B, C1, BE, C1E biển trước và biển sau kích thước 10cm x 25cm; đối với xe hạng C, D1, D2, D, CE, D1E, D2E, DE biển trước kích thước 10cm x 25cm, biển sau kích thước 35cm x 35cm. Đối với xe ô tô tải dùng để tập lái phải có ghế ngồi cho học viên được gắn cố định trên thùng xe, có mui che mưa, nắng; xe ô tô tải sử dụng để làm xe tập lái hạng B phải có khối lượng toàn bộ theo thiết kế từ 2.500 kg đến 3.500 kg.

3. Cấp Giấy phép xe tập lái

a) Giấy phép xe tập lái được cơ quan có thẩm quyền cấp cho xe ô tô dùng làm xe tập lái đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này. Giấy phép xe tập lái có thời hạn tương ứng với thời hạn được phép lưu hành ghi trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới nhưng không vượt quá thời hạn sử dụng hợp pháp đối với xe tập lái;

b) Hồ sơ đề nghị cấp gồm: văn bản đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái, danh sách xe đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái và giấy tờ chứng minh xe tập lái đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định;

c) Trình tự giải quyết: cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm b khoản này, gửi về cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra tiêu chuẩn, điều kiện cấp Giấy phép xe tập lái. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền cấp Giấy phép xe tập lái; trường hợp không cấp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Đổi Giấy phép xe tập lái

a) Giấy phép xe tập lái được đổi khi bị sai thông tin hoặc hết thời hạn sử dụng hoặc bị hỏng;

b) Hồ sơ đề nghị đổi gồm: văn bản đề nghị đổi Giấy phép xe tập lái, danh sách xe đề nghị đổi Giấy phép xe tập lái; Giấy phép xe tập lái đã được cấp lần gần nhất; giấy tờ chứng minh xe tập lái đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện (đối với trường hợp hết thời hạn sử dụng);

c) Trình tự giải quyết: cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, gửi về cơ quan có thẩm quyền. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền đổi Giấy phép xe tập lái; trường hợp không đổi thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Cấp lại Giấy phép xe tập lái

a) Giấy phép xe tập lái được cấp lại khi bị mất;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại gồm: văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép xe tập lái nêu rõ lý do bị mất, danh sách xe đề nghị cấp lại Giấy phép xe tập lái; giấy tờ chứng minh xe tập lái đủ tiêu chuẩn, điều kiện;

c) Trình tự giải quyết: cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, gửi về cơ quan có thẩm quyền. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền cấp lại Giấy phép xe tập lái; trường hợp không cấp lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Thu hồi Giấy phép xe tập lái

a) Giấy phép xe tập lái bị thu hồi khi cấp sai đối tượng hoặc cấp sai thẩm quyền, sử dụng không đúng mục đích hoặc cơ sở đào tạo lái xe không còn nhu cầu sử dụng;

b) Trình tự giải quyết: trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ sở đào tạo có văn bản đề nghị thu hồi hoặc tại thời điểm phát hiện Giấy phép xe tập lái thuộc trường hợp bị thu hồi thì người có thẩm quyền ra quyết định thu hồi Giấy phép xe tập lái và thông báo cho cơ sở đào tạo lái xe để thực hiện. Cơ sở đào tạo lái xe có trách nhiệm nộp lại Giấy phép xe tập lái cho cơ quan có thẩm quyền ngay sau khi Quyết định thu hồi có hiệu lực.

Điều 14. Tiêu chuẩn của giáo viên dạy lái xe

1. Tiêu chuẩn chung

a) Có phẩm chất, tư cách đạo đức tốt;

b) Có đủ sức khỏe theo quy định;

c) Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;

d) Là cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân hoặc người có hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng hoặc hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Công an các đơn vị, địa phương, cơ sở đào tạo lái xe.

2. Giáo viên dạy lý thuyết lái xe mô tô phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và có giấy phép lái xe mô tô tương ứng hoặc cao hơn hạng giấy phép lái xe đào tạo.

3. Giáo viên dạy lý thuyết lái xe ô tô phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn sau:

a) Giáo viên dạy lý thuyết pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; kỹ năng phòng chống cháy, nổ, xử lý ứng phó với các sự cố tai nạn và kỹ năng cấp cứu; văn hóa giao thông phải có: giấy phép lái xe ô tô còn hiệu lực; bằng tốt nghiệp trung cấp luật trở lên hoặc tốt nghiệp hệ trung cấp thuộc các trường Công an nhân dân trở lên;

b) Giáo viên dạy môn cấu tạo sửa chữa thông thường phải có: giấy phép lái xe ô tô còn hiệu lực; bằng tốt nghiệp trung cấp nghề trở lên một trong các chuyên ngành công nghệ ô tô, công nghệ kỹ thuật ô tô, lắp ráp ô tô;

c) Giáo viên dạy môn kỹ thuật lái xe phải có: giấy phép lái xe hạng tương ứng hoặc cao hơn hạng xe đào tạo nhưng không được thấp hơn hạng B, còn hiệu lực; bằng tốt nghiệp trung cấp nghề trở lên một trong các chuyên ngành công nghệ ô tô, công nghệ kỹ thuật ô tô, lắp ráp ô tô.

4. Giáo viên dạy thực hành lái xe mô tô phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn sau:

a) Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên;

b) Có giấy phép lái xe mô tô tương ứng hoặc cao hơn hạng giấy phép lái xe đào tạo và giấy phép đó đủ thời gian từ 02 năm trở lên kể từ ngày được cấp.

5. Giáo viên dạy thực hành lái xe ô tô phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn sau:

a) Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên;

b) Có giấy phép lái xe tương ứng hoặc cao hơn hạng giấy phép lái xe đào tạo, còn hiệu lực;

c) Giáo viên được phân công dạy các hạng ô tô phải có giấy phép lái xe đủ thời gian từ 02 năm trở lên kể từ ngày được cấp và có đủ thời gian lái xe an toàn từ 02 năm trở lên.

Thời gian lái xe an toàn là thời gian giáo viên có giấy phép lái xe còn hiệu lực, không gây tai nạn giao thông đường bộ.

Điều 15. Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe

1. Cơ sở đào tạo lái xe xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn cho người có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe; báo cáo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền tổ chức giảng dạy, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe đối với học viên đạt yêu cầu. Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe do người có thẩm quyền cấp có thời hạn sử dụng 03 năm, gồm: giáo viên dạy lý thuyết pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; kỹ năng phòng chống cháy, nổ, xử lý ứng phó với các sự cố tai nạn và kỹ năng cấp cứu; văn hóa giao thông; giáo viên dạy cấu tạo sửa chữa thông thường; giáo viên dạy kỹ thuật lái xe; giáo viên dạy thực hành lái xe.

2. Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe

a) Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe được cấp cho người đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 14 Thông tư này, đã tham gia tập huấn và kiểm tra đạt yêu cầu;

b) Hồ sơ đề nghị cấp gồm: kế hoạch tập huấn; danh sách đề nghị cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe; 02 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 2cm x 3cm; giấy tờ chứng minh đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 14 Thông tư này;

c) Trình tự giải quyết: ngay sau khi kết thúc tập huấn, kiểm tra, cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, gửi về cơ quan có thẩm quyền đề nghị cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe cho học viên đủ điều kiện.

3. Đổi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe

a) Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe được đổi khi bị sai thông tin hoặc hết thời hạn sử dụng hoặc bị hỏng;

b) Hồ sơ đề nghị đổi gồm: văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe, danh sách giáo viên đề nghị đổi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe; 02 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 2cm x 3cm; Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe đã cấp; giấy tờ chứng minh đủ điều kiện đổi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe;

c) Trình tự giải quyết: cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, gửi về cơ quan có thẩm quyền ít nhất 10 ngày trước ngày Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe hết thời hạn. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền đổi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe; trường hợp không đổi thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe

a) Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe được cấp lại khi bị mất;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại gồm: văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe, danh sách giáo viên đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe; 02 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 2cm x 3cm; giấy tờ chứng minh đủ điều kiện cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe;

c) Trình tự giải quyết: cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, gửi về cơ quan có thẩm quyền. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe; trường hợp không cấp lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Thu hồi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe

a) Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe bị thu hồi khi có hành vi gian lận để được tham dự tập huấn và kiểm tra để được cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe hoặc cấp cho người không đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 14 Thông tư này hoặc do người không có thẩm quyền cấp hoặc bị tẩy xoá, sửa chữa hoặc không còn là giáo viên giảng dạy tại các cơ sở đào tạo lái xe trong Công an nhân dân hoặc giấy phép lái xe bị trừ hết điểm hoặc gây tai nạn giao thông từ mức nghiêm trọng trở lên;

b) Trình tự giải quyết: trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ sở đào tạo có văn bản đề nghị thu hồi hoặc tại thời điểm phát hiện Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe thuộc trường hợp bị thu hồi, người có thẩm quyền ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe và thông báo cho cơ sở đào tạo lái xe. Giáo viên có trách nhiệm nộp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe để cơ sở đào tạo lái xe nộp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe về cơ quan có thẩm quyền ngay sau khi Quyết định thu hồi có hiệu lực.

Điều 16. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo lái xe

1. Bảo đảm và duy trì về năng lực đào tạo lái xe đã được công nhận; báo cáo cơ quan quản lý đào tạo lái xe khi không bảo đảm và duy trì về năng lực đào tạo lái xe đã được công nhận; nộp lại các giấy tờ đã được cấp trong trường hợp bị thu hồi theo quy định của Thông tư này.

2. Công khai điều kiện tuyển sinh, chương trình đào tạo, học phí, phí sát hạch, lệ phí cấp giấy phép lái xe.

3. Chịu trách nhiệm kiểm tra đối với học viên về đối tượng, độ tuổi, sức khoẻ.

4. Thực hiện đúng kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo; chấm điểm các môn kiểm tra theo quy định; đánh giá kết quả học tập của học viên; tổ chức kiểm tra, cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe cho các học viên đủ điều kiện.

5. Đăng ký với cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe về việc tổ chức kỳ sát hạch lái xe.

6. Bảo quản hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Thông tư này.

Mục 2

CÁN BỘ, CHIẾN SĨ HỌC LÁI XE

Điều 17. Điều kiện của cán bộ, chiến sĩ học lái xe

1. Bảo đảm về sức khỏe theo quy định.

2. Cán bộ, chiến sĩ học để nâng hạng giấy phép lái xe phải có đủ thời gian lái xe an toàn. Nâng 01 hạng giấy phép lái xe thì phải có thời gian lái xe an toàn từ 02 năm trở lên. Nâng từ 02 hạng giấy phép lái xe trở lên thì phải có thời gian lái xe an toàn từ 03 năm trở lên.

Thời gian lái xe an toàn là thời gian cán bộ, chiến sĩ có giấy phép lái xe còn hiệu lực, không gây tai nạn giao thông đường bộ.

Điều 18. Hồ sơ đăng ký học lái xe

Cán bộ, chiến sĩ nộp hồ sơ đăng ký học lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe. Hồ sơ bao gồm:

1. Đơn đề nghị học, sát hạch, cấp giấy phép lái xe có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giấy khám sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp theo quy định còn thời hạn sử dụng.

3. 02 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 3cm x 4cm; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, học viên các trường Công an nhân dân mặc trang phục theo điều lệnh Công an nhân dân. Công nhân công an, người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân mặc trang phục gọn gàng, lịch sự.

4. Đối với công nhân công an, người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân phải có thêm bản sao quyết định tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân hoặc hợp đồng lao động của cấp có thẩm quyền.

Mục 3

HÌNH THỨC, CHƯƠNG TRÌNH, TỔ CHỨC ĐÀO TẠO LÁI XE

Điều 19. Hình thức đào tạo

1. Cơ sở đào tạo lái xe có trách nhiệm tổ chức đào tạo các môn học lý thuyết và thực hành theo chương trình quy định tại Thông tư này. Đối với các môn học pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, văn hóa giao thông, văn hóa lái

xe Công an nhân dân nếu học viên có nhu cầu tự học thì phải đăng ký tại cơ sở đào tạo lái xe để được hướng dẫn học.

2. Các môn học đối với các hạng giấy phép lái xe ô tô phải được kiểm tra tập trung tại cơ sở đào tạo lái xe và được cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe.

3. Cơ sở đào tạo lái xe được tổ chức đào tạo vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngoài giờ hành chính cho cán bộ, chiến sĩ có nhu cầu, nhưng phải đảm bảo nội dung, chương trình và thời lượng theo quy định.

Điều 20. Chương trình đào tạo lái xe các hạng A, B1

Chương trình đào tạo lái xe các hạng A, B1 gồm thời gian, nội dung và phân bổ thời gian các môn học, cụ thể như sau:

1. Thời gian đào tạo

a) Hạng A: 36 giờ học;

b) Hạng B1: 54 giờ học.

2. Nội dung và phân bổ thời gian đào tạo

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE	
			HẠNG A	HẠNG B1
I	Đào tạo lý thuyết		22	38
1	Pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ	giờ học	12	20
2	Cấu tạo, sửa chữa thông thường và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị nghiệp vụ trên xe Công an nhân dân	giờ học	2	4
3	Văn hóa giao thông và văn hóa lái xe trong Công an nhân dân	giờ học	2	4
4	Kỹ năng phòng chống cháy, nổ, xử lý ứng phó với các sự cố tai nạn và kỹ năng cấp cứu	giờ học	2	4
5	Kỹ thuật lái xe	giờ học	4	6
II	Đào tạo thực hành		14	16
1	Số giờ học thực hành lái xe cơ bản/01 cán bộ, chiến sĩ	giờ học	10	10

2	Số giờ học thực hành lái xe nâng cao/01 cán bộ, chiến sĩ	giờ học	2	3
3	Số giờ học thực hành lái xe xử lý tình huống nghiệp vụ/01 cán bộ, chiến sĩ	giờ học	2	3
III	Tổng thời gian đào tạo	giờ học	36	54

3. Học viên chuyên ngành Cảnh sát giao thông không thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này mà thực hiện theo Chương trình đào tạo của học viện, trường Công an nhân dân đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 21. Chương trình đào tạo lái xe các hạng B, C1, C

Chương trình đào tạo lái xe các hạng B, C1, C gồm thời gian, nội dung và phân bổ thời gian các môn học, cụ thể như sau:

1. Thời gian đào tạo

- a) Hạng B: 231 giờ học;
- b) Hạng C1: 241 giờ học;
- c) Hạng C: 273 giờ học.

2. Nội dung và phân bổ thời gian đào tạo

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE		
			HẠNG B	HẠNG C1	HẠNG C
I	Đào tạo lý thuyết	giờ học	132	132	142
1	Pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ	giờ học	90	90	90
2	Cấu tạo, sửa chữa thông thường và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị nghiệp vụ trên xe Công an nhân dân	giờ học	8	8	8
3	Văn hóa giao thông và văn hóa lái xe trong Công an nhân dân	giờ học	16	16	16
4	Kỹ năng phòng chống cháy, nổ, xử lý ứng phó với các sự cố tai nạn và kỹ năng cấp cứu	giờ học	8	8	8
5	Kỹ thuật lái xe	giờ học	10	10	20
II	Đào tạo thực hành				
1	Tổng số thời gian học thực hành lái xe ô tô/01 cán bộ, chiến sĩ	giờ học	99	109	131
Trong đó	Thời gian học thực hành lái xe trên sân tập lái loại chuyên số cơ khí	giờ học	41	43	45

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE		
			HẠNG B	HẠNG C1	HẠNG C
	Thời gian học thực hành lái xe nâng cao trên sân tập lái sử dụng xe ô tô con loại chuyển số tự động	giờ học	8	8	8
	Thời gian học thực hành lái xe trên đường giao thông loại chuyển số cơ khí	giờ học	40	50	70
	Thời gian học thực hành lái xe xử lý tình huống nghiệp vụ trên đường sử dụng xe ô tô con loại chuyển số cơ khí	giờ học	8	8	8
	Thời gian học thực hành lái xe ô tô loại chuyển số tự động	giờ học	2	0	0
2	Tổng số km thực hành lái xe/01 cán bộ, chiến sĩ	km	1220	1220	1620
Trong đó	Số km học thực hành lái xe loại chuyển số cơ khí trên sân tập lái	km	230	275	300
	Số km học thực hành lái xe nâng cao trên sân tập lái sử dụng xe ô tô con loại chuyển số tự động	km	60	60	60
	Số km học thực hành lái xe trên đường giao thông	km	810	825	1200
	Số km học thực hành lái xe xử lý tình huống nghiệp vụ trên đường sử dụng xe ô tô con loại chuyển số cơ khí	km	60	60	60
	Số km học thực hành lái xe ô tô loại chuyển số tự động	km	60	0	0
III	Tổng thời gian đào tạo	giờ học	231	241	273

3. Học viên chuyên ngành Cảnh sát giao thông không thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này mà thực hiện theo Chương trình đào tạo của học viện, trường Công an nhân dân đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 22. Chương trình đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe Công an nhân dân

Chương trình đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe gồm thời gian, nội dung và phân bổ thời gian các môn học, cụ thể như sau:

1. Thời gian đào tạo:

- a) Hạng B lên C1: 39 giờ học;
- b) Hạng B lên C: 51 giờ học;
- c) Hạng B lên D1: 66 giờ học;
- d) Hạng B lên D2: 71 giờ học;
- đ) Hạng C1 lên C: 39 giờ học;
- e) Hạng C1 lên D1: 52 giờ học;

- g) Hạng C1 lên D2: 57 giờ học;
 h) Hạng C lên D1: 39 giờ học;
 i) Hạng C lên D2: 46 giờ học;
 k) Hạng C lên D: 75 giờ học;
 l) Hạng D1 lên D2: 39 giờ học;
 m) Hạng D2 lên D: 57 giờ học;
 n) Hạng D1 lên D: 67 giờ học;
 o) Hạng B lên BE, C lên CE: 57 giờ học;
 p) Hạng C1, D1, D2, D lên các hạng tương ứng C1E, D1E, D2E, DE: 67 giờ học;
 q) Hạng D1, D2, D lên hạng CE: 67 giờ học.

2. Nội dung và phân bổ thời gian đào tạo

a) Bảng số 1

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE									
			B lên C1	B lên C	B lên D1	B lên D2	C1 lên C	C1 lên D1	C1 lên D2	D1 lên D2	D2 lên D	D1 lên D
I	Đào tạo lý thuyết		30	34	44	44	30	38	40	30	30	40
1	Pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ	giờ học	16	16	20	20	16	16	16	16	16	18
2	Kiến thức mới về xe nâng hạng và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị nghiệp vụ trên xe Công an nhân dân	giờ học	8	10	10	10	8	8	10	8	8	8
3	Văn hóa giao thông và văn hóa lái xe trong Công an nhân dân	giờ học	2	4	10	10	2	10	10	2	2	10
4	Kỹ năng phòng chống cháy, nổ, xử lý ứng phó với các sự cố tai nạn và kỹ năng cấp cứu	giờ học	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
II	Đào tạo thực hành											
1	Số giờ thực hành lái xe/01 cán bộ, chiến sĩ	giờ học	9	17	22	27	9	14	17	9	27	27
Trong đó	Số giờ thực hành lái xe trên sân tập lái/01 cán bộ, chiến sĩ	giờ học	4	7	10	12	4	6	7	4	10	10

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE									
			B lên C1	B lên C	B lên D1	B lên D2	C1 lên C	C1 lên D1	C1 lên D2	D1 lên D2	D2 lên D	D1 lên D
	Số giờ thực hành lái xe trên đường/01 cán bộ, chiến sĩ	giờ học	5	10	12	15	5	8	10	5	17	17
2	Số km thực hành lái xe/01 cán bộ, chiến sĩ	km	120	240	360	380	120	190	240	120	190	380
Trong đó	Số km thực hành lái xe trên sân tập lái/01 cán bộ, chiến sĩ	km	15	30	50	52	15	26	30	15	26	40
	Số km thực hành lái xe trên đường/01 cán bộ, chiến sĩ	km	105	210	310	328	105	164	210	105	164	340
III	Tổng thời gian đào tạo	giờ học	39	51	66	71	39	52	57	39	57	67

b) Bảng số 2

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE								
			C lên D1	C lên D2	C lên D	B lên BE	C1 lên C1E	C lên CE	D1 lên D1E, CE	D2 lên D2E, CE	D lên DE, CE
I.	Đào tạo lý thuyết		30	32	48	40	40	40	40	40	40
1	Pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ	giờ học	16	18	20	16	16	16	16	16	16
2	Kiến thức mới về xe nâng hạng và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị nghiệp vụ trên xe Công an nhân dân	giờ học	8	8	14	10	10	10	10	10	10
3	Văn hóa giao thông và văn hóa lái xe trong Công an nhân dân	giờ học	2	2	10	10	10	10	10	10	10
4	Kỹ năng phòng chống cháy, nổ, xử lý ứng phó với các sự cố tai nạn và kỹ năng cấp cứu	giờ học	4	4	4	4	4	4	4	4	4
II	Đào tạo thực hành										
1	Số giờ thực hành lái xe/01 cán bộ, chiến sĩ	giờ học	9	14	27	17	27	17	27	27	27

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE								
			C lên D1	C lên D2	C lên D	B lên BE	C1 lên C1E	C lên CE	D1 lên D1E, CE	D2 lên D2E, CE	D lên DE, CE
Trong đó	Số giờ thực hành lái xe trên sân tập lái/01 cán bộ, chiến sĩ	giờ học	4	6	12	7	10	7	10	10	10
	Số giờ thực hành lái xe trên đường/01 cán bộ, chiến sĩ	giờ học	5	8	15	10	17	10	17	17	17
2	Số km thực hành lái xe/01 cán bộ, chiến sĩ	km	120	190	380	240	380	240	380	380	380
Trong đó	Số km thực hành lái xe trên sân tập lái/01 cán bộ, chiến sĩ	km	15	26	52	30	40	30	40	40	40
	Số km thực hành lái xe trên đường/01 cán bộ, chiến sĩ	km	105	164	328	210	340	210	340	340	340
III	Tổng thời gian đào tạo	giờ học	39	46	75	57	67	57	67	67	67

Điều 23. Tổ chức đào tạo lái xe

1. Đào tạo lái xe mô tô

a) Cơ sở đào tạo lái xe, Phòng Cảnh sát giao thông có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đăng ký học lái xe của cán bộ, chiến sĩ;

b) Trước thời gian dự kiến khai giảng khóa học ít nhất 10 ngày, cơ sở đào tạo lái xe xây dựng kế hoạch đào tạo, lập danh sách và hồ sơ đăng ký học lái xe của cán bộ, chiến sĩ, gửi về cơ quan có thẩm quyền. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền ra quyết định mở lớp đào tạo lái xe;

c) Sau khi có Quyết định mở lớp đào tạo lái xe, cơ sở đào tạo lái xe, Phòng Cảnh sát giao thông tổ chức đào tạo lý thuyết, thực hành lái xe theo quy định tại Điều 20 Thông tư này;

d) Kết thúc khóa học, cơ sở đào tạo lái xe báo cáo cơ quan có thẩm quyền: Kết quả đào tạo lái xe, danh sách và hồ sơ dự sát hạch lái xe của cán bộ, chiến sĩ. Người có thẩm quyền xem xét, ra quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe.

2. Đào tạo lái xe ô tô

a) Cơ sở đào tạo lái xe có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đăng ký học lái xe của cán bộ, chiến sĩ;

b) Trước thời gian dự kiến khai giảng khóa học ít nhất 10 ngày, cơ sở đào tạo lái xe gửi hồ sơ báo cáo cơ quan có thẩm quyền về việc mở lớp đào tạo lái xe, gồm: văn bản đề nghị mở lớp kèm kế hoạch đào tạo, danh sách phân xe, danh sách

phân công giáo viên, danh sách và hồ sơ đăng ký học lái xe của cán bộ, chiến sĩ học lái xe. Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra các điều kiện mở lớp đào tạo lái xe phù hợp với thực tế và năng lực đào tạo. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền ra quyết định mở lớp đào tạo lái xe;

c) Sau khi có Quyết định mở lớp đào tạo lái xe, cơ sở đào tạo lái xe tổ chức đào tạo lý thuyết, thực hành lái xe theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Thông tư này; cơ sở đào tạo lái xe phải bố trí đủ xe tập lái, số cán bộ, chiến sĩ trong nhóm học thực hành lái xe được tính lưu lượng trên một xe tập lái:

Tối đa không quá 05 người đối với hạng B;

Tối đa không quá 08 người đối với: hạng C1, C; hạng B lên hạng C1, lên hạng C, lên hạng D1, lên hạng D2; hạng C1 lên hạng C, lên hạng D1, lên hạng D2; hạng C lên hạng D1, lên hạng D2; hạng D1 lên hạng D2 và nâng các hạng B, C1, C, D1, D2, D lên các hạng tương ứng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE; hạng D1, D2, D lên CE;

Tối đa không quá 10 người đối với nâng hạng C lên hạng D, hạng D1 lên hạng D, hạng D2 lên hạng D;

d) Kết thúc khóa học, cán bộ, chiến sĩ học lái xe được kiểm tra cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe khi học đủ thời gian nội dung đào tạo lý thuyết và thực hành. Cơ sở đào tạo lái xe tổ chức ôn luyện và kiểm tra cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe cho cán bộ, chiến sĩ học lái xe, gồm: kiểm tra lý thuyết trên máy tính; kiểm tra thực hành lái xe với các hình liên hoàn, tiến lùi chữ chi, bài lái xe nâng cao và kiểm tra kỹ năng lái xe trên đường. Cán bộ, chiến sĩ đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe;

đ) Cơ sở đào tạo lái xe có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền về kết quả đào tạo và đề nghị sát hạch lái xe, kèm theo danh sách cán bộ, chiến sĩ học lái xe, hồ sơ sát hạch lái xe để người có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe.

3. Sau khi có Quyết định mở lớp đào tạo lái xe ô tô, cơ quan có thẩm quyền bố trí cán bộ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo lái xe.

Chương III

SÁT HẠCH LÁI XE

Mục 1

ĐIỀU KIỆN, TRÁCH NHIỆM CỦA TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE

Điều 24. Điều kiện, trình tự, thủ tục công nhận trung tâm sát hạch lái xe

1. Sát hạch lái xe được thực hiện tại Trung tâm Huấn luyện, bồi dưỡng, đào tạo và sát hạch lái xe thuộc Phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông, Cục Cảnh sát giao thông, các

trung tâm có chức năng sát hạch lái xe được người có thẩm quyền cấp Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân hoặc tại Trung tâm sát hạch lái xe thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Cục Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân (sau đây gọi chung là trung tâm sát hạch lái xe). Trung tâm sát hạch lái xe có cài đặt phần mềm sát hạch lý thuyết được tổ chức sát hạch lý thuyết đối với tất cả các hạng giấy phép lái xe.

2. Trung tâm sát hạch lái xe ô tô phải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật sân sát hạch theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ và có các phòng sát hạch lý thuyết, phòng chờ sát hạch, phòng điều hành thiết bị chấm điểm sát hạch lái xe trong hình, phòng hội đồng sát hạch, các công trình phụ trợ khác; bố trí bài sát hạch nâng cao ô tô theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này. Thiết bị sát hạch có kết nối không dây không được lưu trữ hình ảnh và thông tin đơn vị công tác của cán bộ, chiến sĩ dự kỳ sát hạch.

3. Xe sát hạch

a) Xe mô tô dùng để sát hạch: xe thuộc quyền sử dụng hợp pháp của trung tâm sát hạch lái xe hoặc cơ sở đào tạo lái xe; xe sát hạch phải bảo đảm về an toàn kỹ thuật, được đăng ký, gắn biển số theo quy định;

b) Xe ô tô dùng để sát hạch: xe thuộc quyền sử dụng hợp pháp của trung tâm sát hạch lái xe và có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn thời hạn sử dụng; xe sử dụng để sát hạch trong các hình liên hoàn được lắp đặt thiết bị chấm điểm tự động; xe dùng để sát hạch trên đường giao thông công cộng phải có bộ phận phanh phụ kết cấu chắc chắn và bảo đảm an toàn; có gắn 02 biển “SÁT HẠCH”, 01 biển phía trước và 01 biển phía sau xe, biển có nền xanh, chữ màu trắng, kích thước và vị trí gắn biển thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư này.

4. Sát hạch lái xe mô tô thực hiện tại trung tâm sát hạch lái xe hoặc các sân có đủ điều kiện theo quy định. Sát hạch lý thuyết được thực hiện trên máy tính theo bộ câu hỏi sát hạch lái xe do Cục Cảnh sát giao thông ban hành. Sát hạch kỹ năng thực hành lái xe hạng A phải đủ điều kiện theo quy định tại Phụ lục I và Phụ lục VII, hạng B1 phải đủ điều kiện theo quy định tại Phụ lục II và Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Cấp Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân

a) Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân được cấp khi đề nghị công nhận lần đầu hoặc khi thay

đổi một trong các điều kiện, yêu cầu của trung tâm sát hạch lái xe theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này;

b) Hồ sơ đề nghị cấp gồm: văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân; Quyết định thành lập trung tâm sát hạch lái xe; báo cáo về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị và các giấy tờ chứng minh bảo đảm về điều kiện, yêu cầu sát hạch của trung tâm sát hạch lái xe;

c) Trình tự giải quyết: trung tâm sát hạch lái xe lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm b khoản này, gửi cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra việc đáp ứng các điều kiện, yêu cầu theo quy định. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền cấp Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân; trường hợp không cấp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Đổi Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân

a) Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân được đổi khi bị sai thông tin hoặc bị hỏng;

b) Hồ sơ đề nghị đổi gồm: văn bản đề nghị đổi Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân; Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân đã cấp;

c) Trình tự giải quyết: trung tâm sát hạch lái xe lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm b khoản này, gửi cơ quan có thẩm quyền. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền đổi Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân; trường hợp không đổi thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7. Cấp lại Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân

a) Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân được cấp lại khi bị mất;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại gồm: văn bản đề nghị cấp lại Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân, nêu rõ lý do bị mất;

c) Trình tự giải quyết: trung tâm sát hạch lái xe lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm b khoản này, gửi cơ quan có thẩm quyền. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền cấp lại Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân; trường hợp không cấp lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

8. Thu hồi Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân

a) Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân bị thu hồi khi cấp sai thẩm quyền hoặc trung tâm sát hạch lái xe không bảo đảm một trong các điều kiện, yêu cầu theo quy định tại các khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này hoặc trung tâm sát hạch lái xe không tổ chức hoạt động sát hạch lái xe trong khoảng thời gian 24 tháng liên tục hoặc trung tâm sát hạch lái xe bị hợp nhất, sáp nhập, giải thể;

b) Trình tự giải quyết: trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày trung tâm sát hạch lái xe có văn bản đề nghị thu hồi hoặc tại thời điểm phát hiện Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân thuộc trường hợp bị thu hồi thì người có thẩm quyền ra quyết định thu hồi và thông báo cho trung tâm sát hạch lái xe để thực hiện. Trung tâm sát hạch lái xe có trách nhiệm nộp lại Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân cho cơ quan có thẩm quyền ngay sau khi Quyết định thu hồi có hiệu lực.

Điều 25. Trách nhiệm của trung tâm sát hạch lái xe

1. Bảo đảm điều kiện, yêu cầu theo quy định tại các khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 24 Thông tư này. Báo cáo cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe khi không bảo đảm và duy trì về điều kiện, yêu cầu sát hạch lái xe đã được công nhận; nộp lại các giấy tờ đã được cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe đã cấp trong trường hợp bị thu hồi theo quy định của Thông tư này.

2. Không được tự ý thay đổi hoặc sử dụng phần mềm sát hạch, thiết bị chấm điểm, chủng loại xe sát hạch khi chưa có văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

3. Phối hợp, tạo điều kiện để cơ sở đào tạo lái xe đưa học viên đến ôn luyện và Hội đồng sát hạch lái xe tổ chức sát hạch thuận tiện, đúng kế hoạch.

4. Phối hợp bảo đảm các điều kiện để tổ chức sát hạch theo quy định, bảo đảm thuận tiện, an toàn; phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để giải quyết theo quy định của pháp luật khi có tai nạn xảy ra tại trung tâm.

5. Công khai mức thu phí sát hạch và giá các dịch vụ theo quy định.

6. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và bảo quản hồ sơ theo quy định.

7. Trong quá trình tổ chức sát hạch, máy tính bố trí tại phòng sát hạch lý thuyết, phòng điều hành sát hạch lái xe trong hình không được sử dụng dịch vụ truy cập Internet hoặc nối mạng máy tính nội bộ ra ngoài phòng sát hạch (trừ trường hợp truyền dữ liệu về cơ quan quản lý để giám sát); máy chủ không được cài các phần mềm kết nối điều khiển máy tính từ xa, các phần mềm không liên quan đến nội dung sát hạch lý thuyết.

Mục 2

TỔ CHỨC SÁT HẠCH

Điều 26. Hồ sơ sát hạch lái xe

1. Hồ sơ sát hạch lái xe lần đầu:

a) Hồ sơ quy định tại Điều 18 Thông tư này;

b) Chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe theo Mẫu số 19 ban hành kèm theo Thông tư này (trừ hạng A và B1).

2. Hồ sơ sát hạch nâng hạng giấy phép lái xe:

a) Các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Hồ sơ cấp giấy phép lái xe;

c) Bản sao giấy phép lái xe còn giá trị sử dụng (xuất trình bản chính khi nộp hồ sơ, sát hạch và cắt góc khi nhận giấy phép lái xe mới);

d) Đối với hồ sơ, giấy phép lái xe hệ dân sự, quân sự khi có nhu cầu nâng hạng sang giấy phép lái xe Công an nhân dân, phải nộp bản sao có chứng thực quyết định tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân hoặc quyết định lên lương gần nhất hoặc Chứng minh Công an nhân dân hoặc bản sao chứng thực quyết định tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân hoặc hợp đồng lao động của cấp có thẩm quyền đối với công nhân công an, người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân.

3. Hồ sơ sát hạch do giấy phép lái xe quá hạn:

a) Hồ sơ cấp giấy phép lái xe;

b) Các giấy tờ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 18 Thông tư này (đối với công nhân công an, người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân phải có thêm bản sao chứng thực quyết định tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân hoặc hợp đồng lao động của cấp có thẩm quyền).

Điều 27. Tiêu chuẩn sát hạch viên; tập huấn, kiểm tra và cấp, đổi, cấp lại, thu hồi thẻ sát hạch viên

Tiêu chuẩn sát hạch viên; việc tập huấn, kiểm tra và cấp, đổi, cấp lại, thu hồi thẻ sát hạch viên thực hiện theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.

Điều 28. Hội đồng sát hạch lái xe

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị sát hạch lái xe và hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm d khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 23 Thông tư này, người có thẩm quyền ra quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe.

2. Thành phần Hội đồng sát hạch lái xe:

a) Hội đồng sát hạch lái xe của Cục Cảnh sát giao thông gồm lãnh đạo Cục Cảnh sát giao thông làm Chủ tịch Hội đồng; lãnh đạo Phòng Hướng dẫn đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông làm Phó Chủ tịch Hội đồng; Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe, Giám đốc cơ sở đào tạo lái xe là ủy viên (trường hợp sát hạch lái xe cho học viên chuyên ngành Cảnh sát giao thông thì đại diện các trường Công an nhân dân có học viên tham dự sát hạch là ủy viên); cán bộ Phòng Hướng dẫn đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông là thư ký và sát hạch viên;

b) Hội đồng sát hạch lái xe của Công an địa phương do lãnh đạo Phòng Cảnh sát giao thông làm Chủ tịch Hội đồng; chỉ huy Đội Sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ làm Phó Chủ tịch Hội đồng; Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe là ủy viên (nếu có); cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông là thư ký; cán bộ Công an tỉnh, thành phố là sát hạch viên.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng sát hạch lái xe:

a) Phổ biến các quy định về nội quy, kỷ luật sát hạch, nội dung, phương pháp sát hạch; không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết và khu vực sát hạch thực hành lái xe;

b) Kiểm tra và yêu cầu thực hiện các điều kiện bảo đảm tổ chức kỳ sát hạch;

c) Tổ chức việc sát hạch lái xe theo quy định; tạm dừng việc sát hạch lái xe;

d) Xác nhận kết quả sát hạch lái xe của cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch;

đ) Xem xét giải quyết theo thẩm quyền các trường hợp khiếu nại về việc sát hạch lái xe của cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch;

e) Đình chỉ và hủy kết quả sát hạch đối với cán bộ, chiến sĩ vi phạm nội quy sát hạch lái xe và thông báo cho cơ quan quản lý trực tiếp cán bộ, chiến sĩ đó;

g) Quá trình tổ chức sát hạch lái xe nếu xảy ra tai nạn thì trung tâm sát hạch lái xe, cơ sở đào tạo lái xe và cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên trong Hội đồng sát hạch lái xe:

a) Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe: trực tiếp chỉ đạo hoặc phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng sát hạch tổ chức thực hiện kỳ sát hạch lái xe; kết luận, ký biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của từng cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch; thông qua biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe với các thành viên Hội đồng khi kết thúc kỳ sát hạch; đình chỉ và hủy kết quả sát hạch đối với cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch vi phạm nội quy sát hạch lái xe; tạm dừng việc sát hạch lái xe khi thiết bị chấm điểm lý thuyết, thực hành bị hỏng, báo lỗi và chấm điểm không đúng quy trình, xe sát hạch không bảo đảm an toàn; xem xét giải quyết khiếu nại về việc sát hạch lái xe của cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe: thực hiện các nhiệm vụ khi được Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe phân công; chịu trách nhiệm tổ chức Hội đồng sát hạch lái xe trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền;

c) Ủy viên Hội đồng sát hạch lái xe: thực hiện các công việc do Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe phân công. Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe chịu trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ kỳ sát hạch. Giám đốc cơ sở đào tạo lái xe chịu trách nhiệm về công tác quản lý cán bộ, chiến sĩ trong quá trình sát hạch;

d) Thư ký Hội đồng sát hạch lái xe: là sát hạch viên, thực hiện nhiệm vụ phân công của Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe; công bố Quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe; điểm danh cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch trước khi vào sát hạch; kiểm tra điều kiện của cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch; tập hợp kết quả sát hạch và biên bản các trường hợp vi phạm nội quy, kỷ luật sát hạch (nếu có) để báo cáo Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe quyết định; hoàn chỉnh hồ sơ sát hạch để trình ký; bàn giao hồ sơ, tài liệu liên quan đến kỳ sát hạch cho bộ phận bảo quản;

đ) Sát hạch viên: thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe; chịu trách nhiệm trực tiếp về việc đánh giá kết quả sát hạch của cán bộ, chiến sĩ trên từng nội dung sát hạch; lập biên bản đối với những cán bộ, chiến sĩ vi phạm nội quy, kỷ luật sát hạch (nếu có), lập biên bản đối với các trường hợp bị lỗi thiết bị, phương tiện sát hạch và báo cáo Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe quyết định.

5. Thành viên Hội đồng sát hạch lái xe khi thực hiện nhiệm vụ phải mặc trang phục theo điều lệnh Công an nhân dân và đeo phù hiệu theo quy định.

6. Hội đồng sát hạch lái xe tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 29. Nội dung, trình tự sát hạch lái xe

1. Cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch lái xe phải thực hiện theo trình tự sau đây:
 - a) Đạt sát hạch lý thuyết được dự phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe cơ bản;
 - b) Đối với sát hạch cấp giấy phép lái xe hạng A, B1: đạt phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe cơ bản được dự phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe nâng cao;
 - c) Đối với sát hạch cấp giấy phép lái xe ô tô lần đầu hạng B, C1, C: đạt phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe cơ bản được dự phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe nâng cao, đạt sát hạch phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe nâng cao được dự phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trên đường;
 - d) Đối với sát hạch cấp giấy phép lái xe ô tô các hạng còn lại và giấy phép lái xe ô tô quá thời hạn sử dụng phải sát hạch lại: đạt phần thực hành kỹ năng lái xe cơ bản được dự phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trên đường.
2. Sát hạch lý thuyết trên máy tính theo bộ câu hỏi sát hạch lái xe do Cục Cảnh sát giao thông ban hành.
3. Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe cơ bản:
 - a) Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình hạng A theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;
 - b) Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình hạng B1 theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;
 - c) Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình hạng B, C1, C, D1, D2, D theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;
 - d) Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.
4. Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe nâng cao:
 - a) Mô tô hạng A theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;
 - b) Mô tô hạng B1 theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;
 - c) Ô tô các hạng B, C1, C theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.
5. Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trên đường theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.
6. Cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch không đạt yêu cầu phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe cơ bản được bảo lưu kết quả phần sát hạch lý thuyết trong thời gian 12 tháng; không đạt yêu cầu phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe nâng cao được bảo lưu phần sát hạch kỹ năng lái xe cơ bản theo thời gian bảo lưu còn lại của phần sát hạch lý thuyết; không đạt phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trên

đường được bảo lưu phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe nâng cao theo thời gian bảo lưu còn lại của phần sát hạch lý thuyết.

7. Trong thời gian bảo lưu kết quả sát hạch, cán bộ, chiến sĩ được sát hạch lại các nội dung chưa đạt.

Điều 30. Thực hiện các phần sát hạch và công nhận kết quả sát hạch lái xe

1. Phần sát hạch lý thuyết căn cứ kết quả được in ra từ phần mềm sát hạch lý thuyết trên máy tính. Nội dung câu hỏi sát hạch và công nhận kết quả sát hạch lý thuyết thực hiện theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.

2. Phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe cơ bản được thực hiện trên sân sát hạch. Tổng điểm phần sát hạch tối đa là 100 điểm. Cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch phải thực hiện đủ các bài sát hạch và đạt từ 80 điểm trở lên thì đạt yêu cầu. Thời gian sát hạch hạng A, B1 là 03 phút; hạng C1E, CE thực hiện 02 bài thi, bài 01 là 03 phút, bài 02 là 04 phút; hạng BE, D1E, D2E, DE là 03 phút. Thời gian sát hạch hạng D1, D2 là 15 phút; hạng B là 18 phút; hạng C1, C, D là 20 phút và được quy định tại phần mềm sát hạch thực hành kỹ năng lái xe ô tô chấm điểm tự động do Cục Cảnh sát giao thông công nhận.

3. Phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe nâng cao được thực hiện trên sân. Tổng điểm phần sát hạch tối đa là 100 điểm. Cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch phải thực hiện bài sát hạch và đạt từ 80 điểm trở lên thì đạt yêu cầu. Thời gian sát hạch là 03 phút.

4. Phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trên đường được thực hiện đối với hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE. Hội đồng sát hạch bố trí 01 sát hạch viên chấm điểm độc lập hoặc chấm điểm bằng hệ thống chấm điểm tự động do Cục Cảnh sát giao thông ban hành (nếu có). Tổng điểm phần sát hạch tối đa 100 điểm, đạt yêu cầu từ 80 điểm trở lên. Đoạn đường sát hạch tối thiểu 05 km, có mật độ giao thông vừa phải và phải đảm bảo các tình huống giao thông.

5. Căn cứ vào kết quả điểm sát hạch từng phần và nhận xét của sát hạch viên trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe kết luận chung và ký vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe.

Điều 31. Trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch lái xe

1. Có mặt đúng giờ tại địa điểm sát hạch lái xe, mặc trang phục Công an nhân dân. Đối với công nhân công an, người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân thì mặc trang phục gọn gàng, lịch sự.

2. Xuất trình một trong các giấy tờ: Chứng minh Công an nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc căn cước hoặc căn cước điện tử hoặc giấy phép lái xe Công an nhân dân còn thời hạn để vào dự sát hạch lái xe.

3. Khi vào dự sát hạch phần lý thuyết, thực hành kỹ năng lái xe cơ bản, thực hành kỹ năng lái xe nâng cao cán bộ, chiến sĩ không được mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật vào phòng lý thuyết và trên xe sát hạch; trường hợp vi phạm quy định thì bị xem xét, đình chỉ sát hạch và hủy kết quả sát hạch.

Chương IV

CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 32. Giấy phép lái xe

1. Giấy phép lái xe Công an nhân dân bao gồm các hạng sau đây:

a) Hạng A1 cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến 125 cm³ hoặc có công suất động cơ điện đến 11 kW;

b) Hạng A cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh trên 125 cm³ hoặc có công suất động cơ điện trên 11 kW và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1;

c) Hạng B1 cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe mô tô ba bánh và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1;

d) Hạng B cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe ô tô chở người đến 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 3.500 kg; các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng B kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg;

đ) Hạng C1 cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 3.500 kg đến 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hạng C1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B;

e) Hạng C cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hạng C kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B và hạng C1;

g) Hạng D1 cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe ô tô chở người trên 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D1 kéo rơ moóc có khối lượng

toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C;

h) Hạng D2 cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe ô tô chở người trên 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D2 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1;

i) Hạng D cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe ô tô chở người trên 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô chở người giường nằm; các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1, D2;

k) Hạng BE, C1E, D1E, D2E cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng B, C1, D1, D2 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;

l) Hạng CE cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng C kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc;

m) Hạng DE cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô chở khách nội toa.

2. Thời hạn của giấy phép lái xe Công an nhân dân:

a) Giấy phép lái xe các hạng A1, A, B1 không thời hạn;

b) Giấy phép lái xe hạng B, C1 có thời hạn 10 năm kể từ ngày cấp;

c) Giấy phép lái xe các hạng C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

3. Cán bộ, chiến sĩ được cấp giấy phép lái xe Công an nhân dân với 01 số riêng biệt gồm 12 chữ số tự nhiên. Trường hợp giấy phép lái xe đã được cấp, khi đổi, cấp lại thì thực hiện theo mẫu giấy phép lái xe được quy định tại Thông tư này.

4. Độ tuổi của cán bộ, chiến sĩ được cấp giấy phép lái xe Công an nhân dân quy định như sau:

a) Cán bộ, chiến sĩ đủ 18 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng A1, A, B1, B, C1 được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ;

- b) Cán bộ, chiến sĩ đủ 21 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng C, BE;
- c) Cán bộ, chiến sĩ đủ 24 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng D1, D2, C1E, CE;
- d) Cán bộ, chiến sĩ đủ 27 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng D, D1E, D2E, DE;
- đ) Tuổi tối đa của cán bộ, chiến sĩ lái xe ô tô chở người trên 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), xe ô tô chở người giường nằm là đủ 57 tuổi đối với nam, đủ 55 tuổi đối với nữ.

Điều 33. Cấp giấy phép lái xe

1. Giấy phép lái xe được cấp cho cán bộ, chiến sĩ sau khi trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe.

2. Hồ sơ cấp giấy phép lái xe:

a) Các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư này đối với trường hợp cấp Giấy phép lái xe lần đầu; biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 26 Thông tư này đối với trường hợp cấp Giấy phép lái xe nâng hạng; biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Các giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư này đối với trường hợp cấp Giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng phải sát hạch lại; biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trình tự giải quyết: căn cứ kết quả sát hạch lái xe, cơ quan có thẩm quyền nhập dữ liệu người trúng tuyển kỳ sát hạch vào phần mềm quản lý giấy phép lái xe và vào sổ quản lý giấy phép lái xe. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch lái xe đạt yêu cầu, người có thẩm quyền phải cấp giấy phép lái xe cho cán bộ, chiến sĩ tích hợp giấy phép lái xe lên hệ thống dữ liệu điện tử và các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân theo quy định. Việc tích hợp thông tin giấy phép lái xe lên các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân phải đảm bảo tính bảo mật theo quy định của Bộ Công an.

4. Cán bộ, chiến sĩ tự bảo quản hồ sơ cấp giấy phép lái xe.

Điều 34. Đổi giấy phép lái xe

1. Giấy phép lái xe được đổi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy phép lái xe bị hỏng không còn sử dụng được;

b) Trước thời hạn ghi trên giấy phép lái xe;

c) Thay đổi thông tin ghi trên giấy phép lái xe;

d) Giấy phép lái xe hệ dân sự, quân sự khi có đề nghị của người được cấp đang thực hiện nhiệm vụ an ninh;

đ) Cán bộ, chiến sĩ có giấy phép lái xe hạng D đủ 57 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ, có nhu cầu tiếp tục lái xe, nếu đủ sức khỏe theo quy định, được xét đổi giấy phép lái xe từ hạng D2 trở xuống.

2. Hồ sơ đề nghị đổi giấy phép lái xe gồm:

a) Đơn đề nghị học, sát hạch, cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này có xác nhận của thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày làm đơn;

b) Giấy phép lái xe hoặc bản sao giấy phép lái xe (đối với những giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng), xuất trình bản chính để đối chiếu;

c) 02 ảnh màu chụp kiểu chân dung theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư này;

d) Đối với hồ sơ, giấy phép lái xe hệ dân sự, quân sự khi có nhu cầu đổi sang giấy phép lái xe Công an nhân dân, phải nộp bản sao có chứng thực quyết định tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân hoặc quyết định lên lương gần nhất hoặc Chứng minh Công an nhân dân hoặc bản sao chứng thực quyết định tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân hoặc hợp đồng lao động của cấp có thẩm quyền đối với công nhân công an, người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân;

đ) Trường hợp chưa có tên trong cơ sở dữ liệu, sổ quản lý của cơ quan quản lý giấy phép lái xe thì phải xuất trình hồ sơ cấp giấy phép lái xe.

3. Trình tự đổi giấy phép lái xe như sau:

a) Cán bộ, chiến sĩ có nhu cầu đổi giấy phép lái xe gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này cho cơ quan quản lý giấy phép lái xe;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền đổi giấy phép lái xe;

Cơ quan quản lý giấy phép lái xe nhập thông tin vào phần mềm quản lý giấy phép lái xe, sổ quản lý giấy phép lái xe; đóng dấu vuông, ghi rõ ngày, tháng, năm cấp đổi tại mặt trước, phía trên, bên phải đơn đề nghị theo mẫu và ký xác nhận,

ghi rõ tên cán bộ thực hiện; đối với những giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng khi trả kết quả phải cắt góc giấy phép lái xe cũ;

c) Trường hợp đổi giấy phép lái xe quân sự quy định tại điểm d khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền phải thông báo cho đơn vị chức năng thuộc Bộ Quốc phòng biết để phối hợp quản lý. Hạng ghi trong giấy phép lái xe Công an nhân dân sau khi được đổi tương ứng với hạng ghi trong giấy phép lái xe quân sự cấp trước đó. Đối với giấy phép lái xe quân sự hạng CX được đổi sang giấy phép lái xe Công an nhân dân hạng C. Thời hạn và số của giấy phép lái xe áp dụng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 32 Thông tư này.

Điều 35. Cấp lại giấy phép lái xe

1. Giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng nhưng bị mất thì được cấp lại.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại gồm:

a) Đơn đề nghị học, sát hạch, cấp giấy phép lái xe theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này có xác nhận của thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày làm đơn;

b) Đơn cam kết chịu trách nhiệm về việc Giấy phép lái xe bị mất, không sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật;

c) 02 ảnh màu chụp kiểu chân dung theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư này;

d) Trường hợp chưa có tên trong cơ sở dữ liệu, sổ quản lý của cơ quan quản lý giấy phép lái xe, cán bộ, chiến sĩ phải xuất trình hồ sơ cấp giấy phép lái xe hoặc có văn bản xác nhận thông tin giấy phép lái xe đã cấp lần gần nhất của cơ quan quản lý giấy phép lái xe.

3. Trình tự giải quyết:

a) Cán bộ, chiến sĩ có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này cho cơ quan quản lý giấy phép lái xe;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, nếu giấy phép lái xe không bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ, không sử dụng sai mục đích, có tên trong cơ sở dữ liệu hoặc sổ quản lý thì giấy phép lái xe, người có thẩm quyền cấp lại giấy phép lái xe.

Cơ quan quản lý giấy phép lái xe nhập thông tin vào phần mềm quản lý giấy phép lái xe, sổ quản lý giấy phép lái xe; đóng dấu vuông, ghi rõ ngày, tháng, năm cấp lại tại mặt trước, phía trên, bên phải đơn đề nghị theo mẫu và ký xác nhận, ghi rõ tên cán bộ thực hiện.

Điều 36. Thu hồi giấy phép lái xe

1. Giấy phép lái xe bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe sai đối tượng, không đúng thẩm quyền hoặc có hành vi gian lận trong quá trình sát hạch, cấp giấy phép lái xe;

b) Người được cấp giấy phép lái xe không đủ điều kiện sức khỏe theo kết luận của cơ sở khám chữa bệnh đối với từng hạng giấy phép lái xe;

c) Người được cấp giấy phép lái xe tẩy, xoá, làm sai lệch thông tin trên giấy phép lái xe;

d) Giấy phép lái xe đã quá thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nhưng người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng.

2. Trình tự giải quyết:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giấy phép lái xe thuộc trường hợp bị thu hồi, người có thẩm quyền ra quyết định thu hồi giấy phép lái xe và thông báo cho cán bộ, chiến sĩ. Nội dung của quyết định cần nêu rõ lý do thu hồi;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi giấy phép lái xe, cán bộ, chiến sĩ được cấp giấy phép lái xe phải nộp giấy phép lái xe bị thu hồi cho cơ quan có thẩm quyền, trừ trường hợp giấy phép lái xe đã quá thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nhưng người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng;

c) Cơ quan quản lý giấy phép lái xe có trách nhiệm thu hồi giấy phép lái xe thuộc trường hợp bị thu hồi; nhập thông tin vào phần mềm quản lý giấy phép lái xe, sổ quản lý giấy phép lái xe và gửi thông báo về việc thu hồi giấy phép lái xe tới đơn vị công tác của người có giấy phép lái xe bị thu hồi.

Điều 37. Giải quyết một số trường hợp cụ thể

1. Trường hợp giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng:

a) Giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng dưới 03 tháng thì cán bộ, chiến sĩ có giấy phép lái xe thực hiện thủ tục theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 34 Thông tư này;

b) Cán bộ, chiến sĩ có giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng từ 03 tháng đến 12 tháng thì phải sát hạch lại lý thuyết;

c) Cán bộ, chiến sĩ có giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng trên 12 tháng thì phải sát hạch lại lý thuyết và thực hành kỹ năng lái xe.

2. Trường hợp giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng và bị mất:

Cán bộ, chiến sĩ có giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng và bị mất khi có nhu cầu cấp lại thì thực hiện theo quy định tại Điều 35 Thông tư này.

3. Trường hợp giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng mà phải sát hạch lại lý thuyết, thực hành kỹ năng lái xe thì cán bộ, chiến sĩ trực tiếp gửi hồ sơ đề nghị sát hạch theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư này về cơ quan có thẩm quyền để tổ chức sát hạch lại. Thời gian hết thời hạn của Giấy phép lái xe được tính từ ngày hết thời hạn giá trị sử dụng ghi trên giấy phép lái xe đến thời điểm cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị đổi giấy phép lái xe theo quy định. Cán bộ tiếp nhận phải đóng dấu vuông, ghi rõ ngày, tháng, năm tiếp nhận hồ sơ sát hạch lại tại mặt trước, phía trên, bên phải đơn đề nghị theo mẫu và ký xác nhận, ghi rõ tên cán bộ thực hiện.

4. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ có giấy phép lái xe bằng chất liệu giấy còn thời hạn sử dụng nếu có nhu cầu thì được đổi sang giấy phép lái xe bằng chất liệu nhựa. Hồ sơ, trình tự giải quyết thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư này.

5. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ có giấy phép lái xe ô tô và mô tô ghép chung: khi cán bộ, chiến sĩ có yêu cầu hoặc khi làm thủ tục đổi, cấp lại thì tách riêng giấy phép lái xe theo hạng xe tương ứng. Hạng, thời hạn và số giấy phép lái xe thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 32 Thông tư này.

6. Trường hợp mất hồ sơ cấp giấy phép lái xe Công an nhân dân cần xác nhận thông tin trong hồ sơ cấp giấy phép lái xe:

a) Hồ sơ đề nghị xác nhận gồm: văn bản đề nghị xác nhận thông tin hồ sơ giấy phép lái xe; bản sao giấy phép lái xe;

b) Trình tự giải quyết: cán bộ, chiến sĩ bị mất hồ sơ cấp giấy phép lái xe, không có tên trong cơ sở dữ liệu, sổ quản lý giấy phép lái xe của cơ quan quản lý giấy phép lái xe, gửi hồ sơ đề nghị xác nhận tới cơ quan quản lý giấy phép lái xe hoặc cơ sở đào tạo đề nghị xác nhận các thông tin thay thế hồ sơ cấp giấy phép lái xe.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý giấy phép lái xe hoặc cơ sở đào tạo lái xe kiểm tra, xác nhận theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này và trả cho người lái xe tự bảo quản.

7. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ có giấy phép lái xe Công an nhân dân khi thôi làm nhiệm vụ an ninh được đổi giấy phép lái xe đang sử dụng sang mẫu giấy phép lái xe ban hành kèm theo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.

8. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ có quyết định điều động công tác sang địa phương khác, khi giấy phép lái xe đến hạn, bị hỏng, bị mất phải đến cơ quan quản lý giấy phép lái xe nơi hiện đang công tác làm thủ tục đổi, cấp lại.

Điều 38. Thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

1. Thủ tục hành chính trên môi trường điện tử được thực hiện trên nền tảng giải quyết các thủ tục hành chính nội bộ Bộ Công an. Cơ quan, tổ chức, cán bộ, chiến sĩ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính kê khai đầy đủ thông tin theo hướng dẫn và theo quy định Thông tư này lên nền tảng giải quyết các thủ tục hành chính nội bộ Bộ Công an, chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai và có trách nhiệm nộp lại các giấy tờ gốc cần phải nộp theo quy định khi nhận được các giấy tờ theo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

2. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các thông tin của hồ sơ điện tử với cơ sở dữ liệu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thông tin trùng khớp, đáp ứng điều kiện theo quy định thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính gửi thông báo qua tin nhắn điện thoại hoặc thư điện tử cho cơ quan, tổ chức, cán bộ, chiến sĩ để nộp lệ phí (nếu có) và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc thông báo không giải quyết thủ tục hành chính và nêu lý do. Việc trả kết quả bằng bản điện tử được thực hiện trên phần mềm quản lý giấy phép lái xe hoặc nền tảng giải quyết các thủ tục hành chính nội bộ Bộ Công an hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân. Việc trả kết quả bằng bản điện tử thông qua nền tảng giải quyết các thủ tục hành chính nội bộ Bộ Công an hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân phải đảm bảo tính bảo mật theo quy định của Bộ Công an.

Chương V

BỒI DƯỠNG VÀ CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CHO NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 39. Tiêu chuẩn, trách nhiệm của cơ sở đào tạo lái xe

1. Tiêu chuẩn

Cơ sở đào tạo lái xe ô tô đã có Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe được phép bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

2. Trách nhiệm

a) Công khai điều kiện tuyển sinh, chương trình bồi dưỡng, học phí, lệ phí cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng theo quy định;

b) Chịu trách nhiệm kiểm tra đối với học viên về đối tượng, độ tuổi, sức khỏe;

c) Thực hiện đúng kế hoạch, nội dung, chương trình bồi dưỡng; tổ chức kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho các học viên đủ điều kiện;

d) Bảo quản hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Thông tư này.

Điều 40. Hồ sơ dự học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

Cán bộ, chiến sĩ nộp hồ sơ sau đây tại cơ sở được phép bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bao gồm:

1. Đơn đề nghị học, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giấy khám sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp theo quy định còn thời hạn sử dụng.

3. 02 ảnh màu chụp kiểu chân dung theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư này.

Điều 41. Hình thức, nội dung, chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. Hình thức bồi dưỡng

Việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ bằng hình thức tập trung.

2. Nội dung, chương trình bồi dưỡng

STT	Nội dung chương trình	Số giờ
1	Pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ	12
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	8
3	Quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ	3
4	Quy định về cấp đăng ký, biển số; kiểm định xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ	3
5	Ôn tập và kiểm tra	6
Tổng thời gian bồi dưỡng:		32

Điều 42. Kiểm tra kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. Cơ sở đào tạo lái xe tiếp nhận hồ sơ dự học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 40 Thông tư này và báo cáo mở lớp với Cục Cảnh sát giao thông để theo dõi, quản lý.

2. Căn cứ Chương trình bồi dưỡng quy định tại Điều 41 Thông tư này, cơ sở đào tạo lái xe tổ chức kiểm tra kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và cấp

chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người kiểm tra đạt yêu cầu. Trường hợp chưa đạt yêu cầu sẽ được tổ chức kiểm tra lại theo đề nghị của người học.

3. Cơ sở đào tạo lái xe lập biên bản tổng hợp kết quả kiểm tra bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này để lưu hồ sơ bồi dưỡng tại cơ sở đào tạo.

Điều 43. Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và cấp, đổi, cấp lại, thu hồi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

a) Mẫu chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo Mẫu số 18 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Chứng chỉ có giá trị không thời hạn và được sử dụng trong phạm vi cả nước;

c) Số chứng chỉ gồm 3 phần: số thứ tự; cơ quan cấp; năm cấp.

2. Cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày cán bộ, chiến sĩ dự kiểm tra đạt yêu cầu, cơ sở đào tạo lái xe phải cấp chứng chỉ cho người học. Ngày cấp chứng chỉ là ngày ký Quyết định cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ của cơ sở đào tạo;

b) Căn cứ kết quả kiểm tra, cơ sở đào tạo lái xe vào sổ cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đổi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

a) Chứng chỉ bị hỏng, sai lệch thông tin, có tên trong hồ sơ lưu trữ tại nơi cấp chứng chỉ sẽ được đổi theo số chứng chỉ đã cấp;

b) Hồ sơ đề nghị đổi gồm: đơn đề nghị học, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này; 02 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 2cm x 3cm; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, học viên các trường Công an nhân dân mặc trang phục theo điều lệnh Công an nhân dân. Công nhân công an, người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân mặc trang phục gọn gàng, lịch sự;

c) Trình tự giải quyết: cán bộ, chiến sĩ lập hồ sơ đề nghị đổi chứng chỉ gửi cơ sở đào tạo lái xe. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp

lệ, cơ sở đào tạo lái xe có trách nhiệm đổi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và vào sổ cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo Mẫu số 09 quy định tại Thông tư này. Thời hạn và số của chứng chỉ theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 43 Thông tư này.

4. Cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

a) Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ bị mất có tên trong hồ sơ lưu trữ tại nơi cấp chứng chỉ sẽ được cấp lại;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại gồm: đơn đề nghị học, cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này; bản cam kết chịu trách nhiệm về chứng chỉ bị mất, không sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật; 02 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 2cm x 3cm; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, học viên các trường Công an nhân dân mặc trang phục theo điều lệnh Công an nhân dân. Công nhân công an, người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân mặc trang phục gọn gàng, lịch sự;

c) Trình tự giải quyết: cán bộ, chiến sĩ lập hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ gửi cơ sở đào tạo lái xe. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ sở đào tạo lái xe có trách nhiệm cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và vào sổ cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn và số của chứng chỉ theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 43 Thông tư này.

5. Thu hồi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

a) Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ bị thu hồi trong trường hợp chứng chỉ được cấp không đúng đối tượng hoặc không đúng thẩm quyền hoặc người được cấp có hành vi gian dối để được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

b) Trình tự giải quyết: trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ thời điểm phát hiện chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ thuộc trường hợp bị thu hồi, người đứng đầu cơ sở đào tạo lái xe ra Quyết định thu hồi chứng chỉ, thông báo cho cán bộ, chiến sĩ và báo cáo Cục Cảnh sát giao thông. Cán bộ, chiến sĩ có trách nhiệm nộp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho cơ sở đào tạo lái xe ngay sau khi Quyết định thu hồi có hiệu lực.

6. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm mở sổ theo dõi sử dụng phôi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

Chương VI

QUẢN LÝ HỒ SƠ, BIỂU MẪU, CÁC GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO, SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE CÔNG AN NHÂN DÂN VÀ CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 44. Bảo quản hồ sơ

1. Cơ sở đào tạo lái xe có trách nhiệm bảo quản các loại hồ sơ theo quy định của Bộ Công an về công tác hồ sơ, gồm các tài liệu sau:

a) Quyết định thành lập cơ sở đào tạo lái xe và hồ sơ công nhận năng lực đào tạo lái xe;

b) Hồ sơ công tác đào tạo lái xe, gồm: sổ lên lớp; sổ theo dõi thực hành lái xe; danh sách giáo viên dạy lý thuyết và thực hành lái xe; danh sách xe tập lái;

c) Hồ sơ các lớp đào tạo, sát hạch lái xe, gồm: sổ cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; quyết định về việc mở lớp đào tạo lái xe; công văn đề nghị mở lớp kèm theo danh sách học viên; kế hoạch đào tạo lái xe; công văn đề nghị sát hạch lái xe kèm theo danh sách học viên; quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe; biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, kèm theo danh sách kết quả sát hạch; danh sách học viên dự thi lý thuyết, thực hành lái xe;

d) Hồ sơ các lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, gồm: báo cáo mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ kèm theo danh sách học viên; kế hoạch đào tạo lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; biên bản kết quả kiểm tra lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, kèm theo danh sách học viên dự kiểm tra, danh sách học viên đạt yêu cầu, danh sách học viên không đạt yêu cầu; quyết định cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, kèm danh sách học viên được cấp chứng chỉ; sổ cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; sổ theo dõi sử dụng chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

đ) Thời gian bảo quản: 10 năm.

2. Trung tâm sát hạch lái xe trong Công an nhân dân có trách nhiệm bảo quản các loại hồ sơ theo quy định của Bộ Công an về công tác hồ sơ, gồm các tài liệu sau:

a) Quyết định thành lập trung tâm sát hạch lái xe và Hồ sơ công nhận đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân;

b) Hồ sơ các kỳ sát hạch, gồm: quyết định về việc thành lập Hội đồng sát hạch lái xe; biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, kèm theo danh sách kết quả sát hạch; danh sách học viên dự thi lý thuyết, thực hành lái xe;

c) Thời gian bảo quản: 10 năm.

3. Cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe có trách nhiệm bảo quản hồ sơ theo quy định. Hồ sơ bảo quản gồm:

a) Bảo quản hồ sơ của cơ sở đào tạo lái xe, gồm các hồ sơ, tài liệu quy định tại điểm a, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này (trừ sổ cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; sổ cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; sổ theo dõi sử dụng chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ);

b) Bảo quản hồ sơ của trung tâm sát hạch lái xe, gồm các hồ sơ, tài liệu quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này;

c) Bảo quản các tài liệu, giấy tờ bị thu hồi theo quy định tại Thông tư này;

d) Bảo quản dữ liệu điện tử về đào tạo, sát hạch, cấp, quản lý giấy phép lái xe;

đ) Bảo quản danh sách đổi, cấp lại giấy phép lái xe;

e) Thời gian bảo quản: vĩnh viễn đối với điểm d khoản này và 10 năm đối với hồ sơ, tài liệu còn lại.

Điều 45. Quản lý biểu mẫu, các giấy tờ có liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe và cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. In, quản lý, sử dụng biểu mẫu

a) Cục Cảnh sát giao thông phối hợp với Cục Công nghiệp an ninh, Bộ Công an thống nhất thiết kế, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật các loại biểu mẫu: giấy phép lái xe, chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe, Giấy phép xe tập lái. Các biểu mẫu được quản lý theo chế độ hồ sơ của Bộ Công an do Cục Cảnh sát giao thông chịu trách nhiệm đặt in theo đăng ký của Công an các đơn vị, địa phương, các cơ sở đào tạo lái xe;

b) Trừ các biểu mẫu do Cục Cảnh sát giao thông đặt in, quản lý tại điểm a khoản này, các biểu mẫu còn lại Phòng Cảnh sát giao thông, cơ sở đào tạo lái xe tự in và quản lý, sử dụng theo quy định;

c) Các biểu mẫu quy định tại điểm a khoản này bị hỏng thì phải thống kê theo số phiê và định kỳ 01 năm cơ quan quản lý giấy phép lái xe thành lập Hội đồng hủy;

d) Căn cứ vào nhu cầu thực tế, Phòng Cảnh sát giao thông đăng ký với Cục Cảnh sát giao thông số lượng biểu mẫu giấy phép lái xe. Kinh phí in, quản lý, sử dụng biểu mẫu được bố trí trong kinh phí của Công an cấp tỉnh;

đ) Căn cứ vào nhu cầu thực tế, cơ sở đào tạo lái xe đăng ký với Cục Cảnh sát giao thông số lượng chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ. Kinh phí in, quản lý, sử dụng biểu mẫu được bố trí trong kinh phí đào tạo của cơ sở đào tạo lái xe.

2. Hủy biểu mẫu và các giấy tờ có liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe

a) Hủy biểu mẫu và các giấy tờ có liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong trường hợp biểu mẫu in sai thông tin, in lỗi và các trường hợp phải thu hồi theo quy định tại khoản 6 Điều 11, khoản 6 Điều 13, khoản 5 Điều 15, khoản 8 Điều 24 và Điều 36 Thông tư này;

b) Hội đồng hủy biểu mẫu và các giấy tờ có liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe của Cục Cảnh sát giao thông do Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông làm Chủ tịch Hội đồng; Trưởng phòng Hướng dẫn đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông và Trưởng phòng Tham mưu tổng hợp làm Phó Chủ tịch Hội đồng; cán bộ Phòng Tham mưu tổng hợp làm ủy viên; cán bộ quản lý biểu mẫu thuộc Phòng Hướng dẫn đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông làm thư ký;

c) Hội đồng hủy biểu mẫu và các giấy tờ có liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe của Công an cấp tỉnh do Trưởng phòng Cảnh sát giao thông làm Chủ tịch Hội đồng; Trưởng phòng Hậu cần làm Phó Chủ tịch Hội đồng; Đội trưởng Đội Sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ làm ủy viên; cán bộ quản lý biểu mẫu thuộc Phòng Cảnh sát giao thông làm thư ký;

d) Hội đồng hủy biểu mẫu và các giấy tờ có liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe có trách nhiệm kiểm kê, tiến hành tiêu hủy biểu mẫu và các giấy tờ có liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe để

không còn giá trị sử dụng, lập biên bản hủy biểu mẫu và các giấy tờ có liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe báo cáo Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông hoặc Giám đốc Công an cấp tỉnh về kết quả thực hiện.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, trừ các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

2. Thẩm quyền tổ chức đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ quy định tại Điều 5 Thông tư này áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

3. Chương trình đào tạo lái xe theo quy định tại Điều 20, Điều 21, Điều 22 Thông tư này áp dụng từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

4. Nội dung sát hạch lý thuyết, sát hạch thực hành kỹ năng lái xe nâng cao, sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trên đường quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 30 Thông tư này áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2027.

5. Việc cấp bản điện tử của các loại giấy tờ sau được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2027: Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe; giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe; giấy phép xe tập lái; Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân; quyết định mở lớp đào tạo lái xe; quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe.

6. Thông tư số 66/2024/TT-BCA ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trừ các trường hợp sau đây:

a) Quy định tại Điều 4 Thông tư số 66/2024/TT-BCA tiếp tục có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026;

b) Quy định tại các điều 19, 20 và 21 Thông tư số 66/2024/TT-BCA tiếp tục có hiệu lực đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027;

c) Quy định tại khoản 2 Điều 29 Thông tư số 66/2024/TT-BCA tiếp tục có hiệu lực đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2027.

Điều 47. Quy định chuyển tiếp

1. Giấy phép lái xe được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 nếu chưa thực hiện đổi, cấp lại theo quy định tại Thông tư số 66/2024/TT-BCA được tiếp tục sử dụng theo thời hạn ghi trong giấy phép và có hiệu lực sử dụng như sau:

a) Hạng A1 được tiếp tục điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm³ đến dưới 175 cm³ hoặc có công suất động cơ điện từ 04 kW đến dưới 14 kW;

b) Hạng A2 được tiếp tục điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 175 cm³ trở lên hoặc có công suất động cơ điện từ 14 kW trở lên và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1 quy định tại điểm a khoản này;

c) Giấy phép lái xe hạng A3 được tiếp tục điều khiển xe mô tô ba bánh, các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1 quy định tại điểm a khoản này và các xe tương tự;

d) Giấy phép lái xe hạng A4 được tiếp tục điều khiển máy kéo có trọng tải đến 1.000 kg;

đ) Giấy phép lái xe hạng B1 được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người đến 08 chỗ ngồi (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg;

e) Giấy phép lái xe hạng B2 được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người đến 08 chỗ ngồi (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg;

g) Giấy phép lái xe hạng C được tiếp tục điều khiển xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2 quy định tại điểm đ, điểm e khoản này;

h) Giấy phép lái xe hạng D được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người từ 09 đến 29 chỗ ngồi (không kể chỗ của người lái xe) và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2, C quy định tại điểm đ, điểm e, điểm g khoản này;

i) Giấy phép lái xe hạng E được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người trên 29 chỗ ngồi (không kể chỗ của người lái xe) và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2, C, D quy định tại điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h khoản này;

k) Giấy phép lái xe hạng FB2, FD được tiếp tục điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B2, D quy định tại điểm e, điểm h khoản này khi kéo rơ moóc; giấy phép lái xe hạng FC được tiếp tục điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng C quy định tại điểm g khoản này khi kéo rơ moóc, đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc; giấy phép lái xe hạng FE được tiếp tục điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng E quy định tại điểm i khoản này khi kéo rơ moóc hoặc xe ô tô chở khách nổi toa.

2. Giấy phép lái xe đã được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 khi đổi, cấp lại thực hiện như sau:

a) Giấy phép lái xe hạng A1 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng A với điều kiện hạn chế điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh đến dưới 175 cm³ hoặc có công suất động cơ điện đến dưới 14 kW;

b) Giấy phép lái xe hạng A2 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng A;

c) Giấy phép lái xe hạng A3 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng B1;

d) Giấy phép lái xe hạng A4 được đổi, cấp lại sang chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển xe máy kéo có trọng tải đến 1.000 kg và chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng;

đ) Giấy phép lái xe hạng B1 (loại chuyển số cơ khí), hạng B2 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng B hoặc hạng C1 và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải đến 3.500 kg;

e) Giấy phép lái xe hạng C giữ nguyên và đổi, cấp lại cùng hạng và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg;

g) Giấy phép lái xe hạng D được đổi, cấp lại sang Giấy phép lái xe hạng D2 và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg;

h) Giấy phép lái xe hạng E được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng D và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg;

i) Giấy phép lái xe hạng FB2 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng BE hoặc C1E và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải đến 3.500 kg;

k) Giấy phép lái xe hạng FC được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng CE và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg;

l) Giấy phép lái xe hạng FD được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng D2E và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg;

m) Giấy phép lái xe hạng FE được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng DE và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg.

3. Đối với các khóa đào tạo lái xe chưa hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì phải thực hiện nội dung đào tạo lái xe theo Thông tư này.

Điều 48. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Cảnh sát giao thông có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các đơn vị có liên quan đề xuất Bộ trưởng Bộ Công an thành lập, đình chỉ hoạt động, giải thể cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe trong Công an nhân dân theo quy định;

b) Hướng dẫn, kiểm tra Công an các đơn vị, địa phương, các cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe về công tác đào tạo lái xe, sát hạch lái xe, cấp Giấy phép lái xe, quản lý Giấy phép lái xe; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân;

c) Định kỳ 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất thực hiện kiểm tra việc duy trì năng lực đào tạo lái xe của cơ sở đào tạo lái xe trong Công an nhân dân; kiểm tra công tác đào tạo, thi, cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe cho học viên của cơ sở đào tạo lái xe.

2. Công an đơn vị, địa phương có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý giấy phép lái xe thực hiện việc đổi giấy phép lái xe Công an nhân dân sang giấy phép lái xe hệ dân sự, quân sự trước khi cấp có thẩm quyền ban hành quyết định nghỉ hưu, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động đối với cán bộ, chiến sĩ, người lao động của đơn vị.

3. Thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Giám đốc học viện, Hiệu trưởng các trường Công an nhân dân, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát giao thông) để kịp thời hướng dẫn. *Alman*

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an;
- Các học viện, trường Công an nhân dân;
- Công an tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, V03, C08.



Đại tướng Lương Tam Quang

Ảnh
3cm x 4cm
(đóng dấu
giáp lai)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi:(1).....

Tên tôi là:Nam/nữ:.....Nhóm máu:.....

Sinh ngày:..... tháng năm

Đơn vị công tác:.....

Cấp bậc:..... Chức vụ :.....

Ngày nhập ngũ (đối với chiến sĩ nghĩa vụ):.....

Số định danh cá nhân:.....

Số điện thoại liên hệ:.....Email:.....

Đề nghị:..... (2).....Lý do:.....(3).....

Tôi đã học lái xe hạng:.....tại.....

Có giấy phép lái xe số:..... cấp ngày...../...../.....

Có thời gian lái xe an toàn:..... năm (đối với trường hợp nâng hạng)

Đăng ký tự học môn háp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ; văn hóa giao thông và văn hóa lái xe trong Công an nhân dân (có/không):.....

Xin gửi kèm theo: (4).....

Tôi xin cam đoan những điều trình bày trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm.....

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ CÔNG TÁC

Đồng chí hiện là cán bộ
đang công tác tại đơn vị. (ký, đóng dấu)

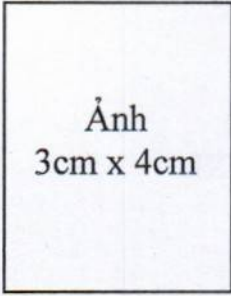
....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ở Bộ ghi Cục Cảnh sát giao thông, ở địa phương ghi Phòng Cảnh sát giao thông; đơn xin học ghi tên cơ sở đào tạo.
- (2) Ghi học hoặc sát hạch hoặc đổi hoặc cấp lại giấy phép lái xe.
- (3) Ghi rõ lý do học hoặc sát hạch hoặc đổi hoặc cấp lại giấy phép lái xe.
- (4) Thống kê các giấy tờ, tài liệu kèm theo.
- Đơn đề nghị khi học lái xe và sát hạch lái xe phải được tách riêng.
- Thời điểm xác nhận đơn đề nghị sát hạch lái xe trước ngày dự sát hạch 30 ngày; trước ngày đổi, cấp lại 15 ngày.
- Khổ in: A4.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, KIỂM TRA, CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG
KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi:

Tên tôi là:

Sinh ngày: tháng năm

Nơi cư trú:.....

Đơn vị công tác:.....

Cấp bậc:.....Chức vụ:.....

Ngày nhập ngũ (đối với chiến sĩ nghĩa vụ):.....

Số định danh cá nhân:.....

Số điện thoại liên hệ:.....

Tôi đã học, kiểm tra, được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ số:..... ngày..... tại:

Đề nghị học, kiểm tra, đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Lý do xin học, kiểm tra, đổi, cấp lại:

Xin gửi kèm theo:.....

Tôi xin cam đoan những điều trình bày trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày.....tháng.....năm.....

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ CÔNG TÁC

Đồng chí...hiện là cán bộ đang công tác tại đơn vị (ký, đóng dấu)

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

.....(1).....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE

Ảnh
(3cm x
4cm)

Họ tên thí sinh:..... Nam/nữ.....
Sinh ngày tháng năm
Số định danh cá nhân:.....
Đơn vị công tác:
Học tại cơ sở đào tạo Khóa:.....
Dự sát hạch cấp giấy phép lái xeHạng tại.....

....., ngàytháng.....năm
Thí sinh ký
(Ghi rõ họ tên)

I. KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Lần sát hạch.....: ngàytháng...năm....

SỐ BÁO DANH.....

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Kết luận	Sát hạch viên nhận xét, ký và ghi rõ họ tên
Thí sinh ký tên			

II. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH

Sát hạch kỹ năng lái xe cơ bản	Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Kết luận	Sát hạch viên nhận xét, ký và ghi rõ họ tên
	100			(SHV1) (SHV2)
Thí sinh ký tên				
Sát hạch kỹ năng lái xe nâng cao	Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Kết luận	Sát hạch viên nhận xét, ký và ghi rõ họ tên
	100			(SHV1) (SHV2)
Thí sinh ký tên				
Sát hạch kỹ năng lái xe trên đường	Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Kết luận	Sát hạch viên nhận xét, ký và ghi rõ họ tên
	100			
Thí sinh ký tên				

Hạng:.....Đạt Không đạt

....., ngày.....tháng.....năm.....

TM. HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH
CHỦ TỊCH
(ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Ở Bộ ghi Cục Cảnh sát giao thông; ở địa phương ghi Phòng Cảnh sát giao thông.
- Mẫu số 03 được in trực tiếp từ phần mềm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KẾT QUẢ KIỂM TRA
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Căn cứ Quyết định số/QĐ-.... ngày tháng năm của
..... về việc thành lập Tổ kiểm tra bồi dưỡng kiến thức pháp luật về
giao thông đường bộ khóa của Thủ trưởng cơ sở đào tạo

Hôm nay, ngày tháng năm tại

I. Thành phần Tổ kiểm tra:

1. Chức vụ Tổ trưởng.
2. Chức vụ Thư ký.
3. Chức vụ Tổ viên.
4. Chức vụ Tổ viên

II. Kết quả kiểm tra khóa học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ khai giảng ngày .../.../....., kết thúc ngày .../.../....., như sau:

1. Tổng số cán bộ, chiến sĩ dự kiểm tra (có danh sách kèm theo), trong đó:
 - Cán bộ, chiến sĩ đạt yêu cầu: (có danh sách kèm theo);
 - Cán bộ, chiến sĩ không đạt yêu cầu: (có danh sách kèm theo).

2. Nhận xét đánh giá:

III. Kết luận của Tổ kiểm tra:

Đề nghị Thủ trưởng cơ sở đào tạo ra quyết định cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho cán bộ, chiến sĩ đạt yêu cầu.

Cán bộ, chiến sĩ chưa đạt yêu cầu sẽ được tổ chức kiểm tra lại.

Biên bản được lập thành 02 bản: 01 bản gửi Cục Cảnh sát giao thông hoặc Phòng Cảnh sát giao thông; 01 bản lưu tại cơ sở đào tạo./.

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY LÁI XE

(Kèm theo Công văn số/.....ngàythángnăm)

TT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	Số định danh cá nhân	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Hạng GPLX	Ngày trúng tuyển GPLX	Thời gian lái xe an toàn	Đào tạo			Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái			Ghi chú	
				Biên chế	Hợp đồng	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm				Lý thuyết Mô tô	Thực hành Mô tô	Thực hành Ô Tô	Số Giấy chứng nhận	Ngày cấp lần đầu	Ngày hết hạn lần đầu		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	

CÁN BỘ LẬP BẢNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....Ngày..... tháng.....năm 20.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ (20)

(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

(7): Tốt nghiệp THPT (12/12).

(8): Ghi rõ văn bằng phù hợp với chuyên môn giảng dạy lý thuyết pháp luật về giao thông đường bộ; văn hóa giao thông; kỹ năng phòng, chống cháy nổ, xử lý ứng phó với các sự cố tai nạn; kỹ năng cấp cứu; dạy cấu tạo sửa chữa thông thường; dạy môn kỹ thuật lái xe; dạy thực hành lái xe.

(9): Ghi rõ số chứng chỉ sư phạm.

(13, 14, 15): Ghi rõ môn giảng dạy là lý thuyết luật giao thông đường bộ; văn hóa giao thông; cấu tạo sửa chữa thông thường; kỹ thuật lái xe, dạy thực hành hạng A1, A, B1, B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE.

(16, 17, 18): Đối với trường hợp đối, cấp lại Giấy chứng nhận Giáo viên dạy lái xe: thì số trên Giấy chứng nhận là số đã được Cục Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông cấp lần đầu, phải ghi rõ ngày cấp và ngày hết hạn

(20): Đối với các Trung tâm dạy nghề và đào tạo lái xe thuộc các Học viện, các trường trong Công an nhân dân do Giám đốc Trung tâm ký; đối với các khoa Cảnh sát giao thông, chuyên ngành do Hiệu trưởng nhà trường hoặc Giám đốc Học viện ký. Đối với Công an địa phương do Trường phòng Cảnh sát giao thông ký.

Mẫu số 06

Ban hành kèm theo Thông tư số 109/2026/TT-BCA
ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an

DANH SÁCH XE Ô TÔ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

(Kèm theo Công văn số...../.....ngày.....tháng.....năm)

STT	SỐ QUẢN LÝ	BIÊN SỐ	NHÃN HIỆU	SỐ LOẠI	LOẠI XE	TỪ NGÀY	ĐẾN NGÀY	GHI CHÚ
1								
2								
3								
...								

.....Ngày..... tháng.....năm 20.....

CÁN BỘ LẬP BẢNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

...(1)...

....(2)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(3)....., ngàythángnăm.....

XÁC NHẬN THÔNG TIN HỒ SƠ GIẤY PHÉP LÁI XE

..... (2)xác nhận:

Đồng chí:

Sinh ngày:..... tháng năm

Đơn vị công tác (theo thông tin tra cứu dữ liệu):

Số định danh cá nhân:.....

Đã trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe và được cấp Giấy phép lái xe số:.....
hạng..... ngày.....do tổ chức (nếu cơ quan Cảnh sát giao
thông quản lý giấy phép lái xe xác nhận)

Đã tham gia khóa đào tạo lái xe hạng ... khóa.....do...(4)... tổ chức,
được cấp chứng chỉ số ..., ngày cấp; trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe
hạng..... ngày.....do(5)..... tổ chức (nếu cơ sở đào tạo xác nhận).

..... (2)xác nhận các thông tin trên để làm căn cứ cho việc quản
lý, đổi, cấp lại giấy phép lái xe các lần sau theo đúng quy định./.

..... (6)

(ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Ở Bộ ghi Cục Cảnh sát giao thông; ở địa phương ghi Công an tỉnh, thành phố; ghi Bộ Công an đối với các Học viện, Trường Công an nhân dân.
- (2) Ở Bộ ghi Phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông; ở địa phương ghi Phòng Cảnh sát giao thông, ghi tên cơ sở đào tạo đối với các Học viện, Trường Công an nhân dân.
- (3) Địa danh.
- (4) Ghi tên cơ sở đào tạo đối với các Học viện, Trường Công an nhân dân.
- (5) Ở Bộ ghi Cục Cảnh sát giao thông; ở địa phương ghi Phòng Cảnh sát giao thông.
- (6) Ở Bộ ghi Trưởng Phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông; ở địa phương ghi Trưởng phòng Cảnh sát giao thông; ghi Thủ trưởng cơ sở đào tạo đối với các Học viện, Trường Công an nhân dân.
- Khổ in: A4.

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP

.....

CƠ SỞ ĐÀO TẠO LÁI XE

.....

**SỔ
CẤP CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LÁI XE**

Quyển số:.....

NĂM

1. Trang bìa

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO
SỔ CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

2. Nội dung

QUẢN LÝ CẤP CHỨNG CHỈ

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi thường trú	Số Chứng chỉ, ngày, tháng, năm cấp	Đổi, cấp lại Chứng chỉ, ngày, tháng, năm đổi, cấp lại	Ký nhận

Mẫu số 10

Ban hành kèm theo Thông tư số 109/2026/TT-BCA
ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP

.....

SỐ
QUẢN LÝ GIẤY PHÉP LÁI XE

Quyển số:.....

NĂM

Đơn vị quản lý trực tiếp
Cơ sở đào tạo

Sổ lên lớp

Hạng:.....

Khoá:.....

Năm học:.....

Mục lục

Số TT	Nội dung	Trang
1	Danh sách giáo viên	
2	Thời khoá biểu	
3	Theo dõi ngày học tập	
4	Bảng ghi tóm tắt nội dung	
5	Bảng ghi điểm	
6	Tổng hợp đánh giá cuối khoá	

Danh sách giáo viên giảng dạy

TT	Họ và tên giáo viên	Giảng dạy môn học	Số giờ giảng dạy
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
14			
15			
16			
17			
18			
19			
20			
21			
22			
23			

Thời khoá biểu
(Thực hiện từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)

Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật	
Nội dung	Thời gian	Nội dung	Thời gian	Nội dung	Thời gian	Nội dung	Thời gian	Nội dung	Thời gian	Nội dung	Thời gian	Nội dung	Thời gian
	Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...
	Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...
	Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...
	Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...
	Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...
	Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...
	Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...
	Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...
	Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...		Từ... Đến...

Giám đốc cơ sở đào tạo

Mẫu số 12

Ban hành kèm theo Thông tư số 109/2026/TT-BCA
ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an

SỔ THEO DÕI SỬ DỤNG PHÔI GIẤY PHÉP LÁI XE

STT	Số lượng phôi nhận	Ngày, tháng, năm nhận phôi	Cán bộ bàn giao phôi GPLX	Cán bộ tiếp nhận phôi để in GPLX	Số sê - ri	Ngày tháng năm in GPLX	Văn bản đề xuất cấp GPLX (số, ngày, tháng, năm)	Số lượng phôi đã in (ghi rõ số sê-ri)	Số phôi hồng (ghi rõ sê-ri)	Lý do hồng	Người duyet
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

Ghi chú:

- (12) ở Cục Cảnh sát giao thông: Lãnh đạo Phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông; ở Phòng Cảnh sát giao thông Công an địa phương: Chỉ huy Đội Sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. Đăng ký, quản lý phương tiện
- Kích thước số: 28cm x 36cm
- Bìa số: Bìa cát tông màu xanh
- Số lượng trang: 50 trang

Mẫu số 13

Ban hành kèm theo Thông tư số 109/2026/TT-BCA
ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an

SỔ THEO DÕI SỬ DỤNG PHÔI CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

STT	Ngày, tháng, năm nhận phôi	Số lượng phôi	Số sê-ri phôi	Cán bộ bàn giao phôi	Cán bộ tiếp nhận phôi để in	Ngày tháng năm in chứng chỉ	Số lượng phôi đã in	Số phôi hỏng (ghi rõ sê-ri)	Lý do hỏng	Lãnh đạo cơ sở đào tạo duyệt

Ghi chú:

- Kích thước sổ: 28cm x 36cm
- Bìa sổ: Bìa cát tông màu xanh
- Số lượng trang: 50 trang

PHÙ HIỆU CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH LÁI XE

.....(1).....	
.....(2).....	
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH LÁI XE	
Ảnh 2 x 3 cm	Họ và tên:..... Chức vụ:..... Đơn vị công tác:

Ghi chú:

- (1) Ở Bộ ghi Bộ Công an; ở địa phương ghi Công an tỉnh, TP.....
- (2) Ở Bộ ghi Cục Cảnh sát giao thông; ở địa phương ghi Phòng CSGT.
- Kích thước: 85,6mm x 53,98mm.
- Chất liệu: bìa 150g/m².
- Nền phù hiệu màu vàng, chữ màu đỏ.

PHÙ HIỆU PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH LÁI XE

.....(1).....	
.....(2).....	
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH LÁI XE	
Ảnh 2 x 3cm	Họ và tên:..... Chức vụ:..... Đơn vị công tác:

Ghi chú:

- (1) Ở Bộ ghi Bộ Công an; ở địa phương ghi Công an tỉnh, TP.....
- (2) Ở Bộ ghi Cục Cảnh sát giao thông; ở địa phương ghi Phòng CSGT.
- Kích thước: 85,6mm x 53,98mm.
- Chất liệu: bìa 150g/m².
- Nền phù hiệu màu vàng, chữ màu đỏ.

PHÙ HIỆU ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH LÁI XE

.....(1).....	
.....(2).....	
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH LÁI XE	
Ảnh 2 x 3cm	Họ và tên:..... Chức vụ:..... Đơn vị công tác:

Ghi chú:

- (1) Ở Bộ ghi Bộ Công an; ở địa phương ghi Công an tỉnh, TP.....
- (2) Ở Bộ ghi Cục Cảnh sát giao thông; ở địa phương ghi Phòng CSGT.
- Kích thước: 85,6mm x 53,98mm.
- Chất liệu: bìa 150g/m².
- Nền phù hiệu màu vàng, chữ màu đỏ.

Mẫu số 14D

Ban hành kèm theo Thông tư số 109/2026/TT-BCA
ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an

PHÙ HIỆU THƯ KÝ HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH LÁI XE

.....(1).....	
.....(2).....	
THƯ KÝ HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH LÁI XE	
Ảnh 2 x 3cm	Họ và tên:..... Chức vụ:..... Đơn vị công tác:

Ghi chú:

- (1) Ở Bộ ghi Bộ Công an; ở địa phương ghi Công an tỉnh, TP.....
- (2) Ở Bộ ghi Cục Cảnh sát giao thông; ở địa phương ghi Phòng CSGT.
- Kích thước: 85,6mm x 53,98mm.
- Chất liệu: bìa 150g/m².
- Nền phù hiệu màu vàng, chữ màu đỏ.

PHÙ HIỆU SÁT HẠCH VIÊN


.....(1).....	
.....(2).....	
SÁT HẠCH VIÊN	
Ảnh 2 x 3cm	Họ và tên:.....
	Chức vụ:.....
	Đơn vị công tác:

Ghi chú:

- (1) Ở Bộ ghi Bộ Công an; ở địa phương ghi Công an tỉnh, TP.....
- (2) Ở Bộ ghi Cục CSGT; ở địa phương ghi Phòng CSGT.
- Kích thước: 85,6mm x 53,98mm.
- Chất liệu: bìa 150g/m².
- Nền phù hiệu màu vàng, chữ màu đỏ.

GIẤY PHÉP LÁI XE CÔNG AN NHÂN DÂN

1. Mặt trước

85,6 mm		
BỘ CÔNG AN 	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>	QR CODE
GIẤY PHÉP LÁI XE		
Ảnh 2 x 3 cm	Số: (1)	Hạng: (2)
	Họ và tên:	Nhóm máu:
	Sinh ngày:	
	Số định danh cá nhân:	
	Đơn vị:(3)....., ngày tháng năm(4).....
Có giá trị đến: (5) Ngày trúng tuyển: (6)		

2. Mặt sau

85,6 mm	
NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý	
1. Cán bộ, chiến sĩ chỉ được điều khiển phương tiện phù hợp với hạng xe được phép điều khiển ghi trong giấy phép lái xe.	
2. Luôn mang theo giấy phép lái xe khi điều khiển phương tiện giao thông.	
3. Trước khi giấy phép lái xe hết giá trị, cán bộ, chiến sĩ phải đến Cơ quan Cảnh sát giao thông để làm thủ tục đổi giấy phép lái xe.	
4. Người có giấy phép lái xe này khi không phục vụ trong ngành công an thì được đổi sang giấy phép lái xe ban hành kèm theo Thông tư của Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.	
Số phôi: ...	

Ghi chú:

- (1) Số giấy phép lái xe.
 - (2) Hạng cao nhất của GPLX được cấp.
 - (3) Địa danh.
 - (4) Ở Bộ ghi Cục trưởng; ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ghi Trưởng phòng.
 - (5) GPLX mô tô ghi không thời hạn, GPLX ô tô ghi ngày...tháng...năm...hết giá trị.
 - (6) Ghi ngày...tháng...năm....
- GPLX nền màu vàng, logo CSGT in chìm.
 - Phôi GPLX được làm bằng vật liệu nhựa tổng hợp PET hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có lớp màng phủ bảo an;
 - Kích thước: 85,6mm x 53,98mm x 0,76mm (theo tiêu chuẩn ICAO loại ID-1);
 - Chữ ký của người có thẩm quyền cấp và con dấu thu nhỏ được lưu trữ và in từ phần mềm.
 - Có mã QR code ở góc trên, bên phải, mặt trước để đọc, giải mã nhanh thông tin trên giấy phép lái xe.

GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY LÁI XE

1. Mặt trước

...(1)...	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
.....(2).....	<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
(Logo CSGT)	
GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY LÁI XE	

2. Mặt sau

Ảnh 2 x 3 cm	Họ và tên:.....
	Ngày sinh:.....
	Đơn vị:
	Là giáo viên:.....

	Hạng xe đào tạo:.....
	<i>Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....</i>
(3).....
Số:.....	
Có thời hạn đến:.....	

Ghi chú:

- (1) Ở Bộ ghi Bộ Công an, ở địa phương ghi Công an tỉnh, thành phố.
- (2) ở Bộ ghi Cục CSGT, ở địa phương ghi Phòng CSGT.
- (3) ở Bộ ghi Cục trưởng, ở địa phương ghi Trưởng phòng.
- Kích thước: 85,6mm x 53,98mm.
- Chất liệu: bìa trắng 150g/m².
- Mặt trước: Nền màu vàng, chữ màu đỏ.
- Mặt sau: Nền hoa văn màu vàng, chữ màu đen, logo CSGT in chìm ở chính giữa.

GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

1. Mặt trước

(Logo CSGT)

XE TẬP LÁI

2. Mặt sau

....(1).....

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

Số:.....

Cơ sở đào tạo lái xe:

Biển số xe: Nhãn hiệu:

Số loại: Loại xe:

Được sử dụng tập lái xe từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....

Tuyến đường tập lái xe:

....., ngày.....tháng.....năm.....

....(3)....

Ghi chú:

- (1) Ở Bộ ghi Bộ Công an, ở địa phương ghi Công an tỉnh, thành phố.
- (2) ở Bộ ghi Cục CSGT, ở địa phương ghi Phòng CSGT.
- (3) ở Bộ ghi Cục trưởng, ở địa phương ghi Trưởng phòng.
- Chất liệu: bìa trắng 150g/m².
- Mặt trước: nền màu vàng nhạt, chữ "XE TẬP LÁI" màu đỏ, chữ còn lại màu đen, logo CSGT in chìm.
- Mặt sau: Nền hoa văn màu hồng, chữ "GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI" màu đỏ, chữ còn lại màu đen, logo Công an hiệu in chìm ở chính giữa.
- Kích thước: 19cm x 13cm.

CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Mặt trước:

.....(1).... ——(2)——	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
Ảnh 2 x 3 cm	CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
	Họ và tên..... Ngày sinh..... Số định danh..... Đơn vị công tác..... ..., ngày....tháng.....năm..., THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ (Ký tên, đóng dấu)
Không thời hạn	

Mặt sau:

<p style="text-align: center;">NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý</p> <p>1. Cán bộ chiến sĩ luôn mang theo Chứng chỉ khi điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ và phải xuất trình Chứng chỉ để kiểm tra khi người làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông yêu cầu.</p> <p>2. Trường hợp mất, hỏng, sai thông tin phải làm thủ tục đổi, cấp lại tại nơi cấp Chứng chỉ.</p> <p>3. Chứng chỉ này chỉ có giá trị khi người điều khiển xe máy chuyên dùng thuộc lực lượng Công an nhân dân và phục vụ nhiệm vụ an ninh.</p> <p>Số phiêi:....</p>

Ghi chú:

- (1): Ghi số thứ tự, cơ quan cấp, năm cấp.
- Kích thước: 85,6mm x 53,98mm.
- Loại giấy tốt, có hoa văn chống làm giả, nền màu vàng nhạt;
- Có viên đỏ xung quanh rộng 1mm và cách mép ngoài của giấy chứng nhận là 1 mm.
- In Chứng chỉ dùng phông chữ Times New Roman, màu của chữ và số là màu đen; họ và tên người được cấp Chứng chỉ phông chữ Times New Roman màu đen.
- Dấu đóng trên Chứng chỉ có hai dấu: dấu thu nhỏ loại dấu nổi đóng giáp lai với ảnh của người được cấp Chứng chỉ và dấu mực đỏ đóng vào vị trí người ký cấp Chứng chỉ.

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LÁI XE

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(2).....

.....

Ảnh

3cm x 4cm

(đóng dấu
giáp lai)

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LÁI XE

Chứng nhận:

Sinh ngày:.....Giới tính:.....

Đơn vị công tác:.....

Đã tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe hạng.....

Khóa học từ tháng/.....đến tháng...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

.....(3).....

(Ký tên, đóng dấu)

Số:.....(4).....

Vào sổ cấp chứng chỉ:.....(5).....

Ngày.....tháng.....năm.....

Ghi chú:

- Chất liệu: giấy bóng nước 150g/m², kích thước 210mm x 297mm, nền màu trắng, in chìm Công an hiệu; dòng chữ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” màu đen, in hoa, đậm, cỡ chữ 14; dòng chữ “CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LÁI XE” màu đỏ tươi, in hoa, đậm, cỡ chữ 18; các chữ khác màu đen, cỡ chữ 14.

- (1) Hình Quốc huy gồm hai màu đỏ, vàng.
- (2) Tên cơ sở đào tạo.
- (3) Chức danh của người đứng đầu cơ sở đào tạo.
- (4) Số thứ tự.
- (5) Quyền sở số.

.....(1)....
.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ, ngàythángnăm.....

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận năng lực đào tạo lái xe

.....(3).....

Căn cứ..... (4).....;

Căn cứ..... (5).....;

Theo đề nghị của.....(6)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận năng lực đào tạo lái xe ô tô, mô tô cho (7)

Địa chỉ: (8)

Điều 2. Được phép đào tạo:

- Hạng (9), lưu lượng đào tạo (10)

-

-

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;

- Lưu:...

....(11)....

(ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Ở Bộ ghi Bộ Công an, ở địa phương ghi Công an tỉnh, thành phố.
- (2) Ở Bộ ghi Cục Cảnh sát giao thông, ở địa phương ghi Phòng Cảnh sát giao thông.
- (3) Ở Bộ ghi Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, ở địa phương ghi Trưởng phòng Cảnh sát giao thông
- (4) Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý.
- (5) Thông tư quy định về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân.
- (6) Ở Bộ ghi Trưởng phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông, ở địa phương ghi Đội trưởng Đội sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.
- (7) Tên cơ sở đào tạo lái xe.
- (8) Địa chỉ cụ thể của cơ sở đào tạo.
- (9) Hạng giấy phép lái xe được phép đào tạo.
- (10) Số lượng học viên được phép đào tạo đối với từng hạng xe.
- (11) Ở Bộ ghi Cục trưởng, ở địa phương ghi Trưởng phòng.
- Khổ in: A4.

..... (1)
..... (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ, ngày.....thángnăm.....

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận trung tâm sát hạch lái xe
đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân

..... (3)

Căn cứ.....(4).....;

Căn cứ.....(5).....;

Theo đề nghị của.....(6).....,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận trung tâm(7)..... đủ điều kiện tổ chức sát hạch lái xe cơ giới đường bộ hạng ... theo quy định của Bộ Công an.

Điều 2. Trung tâm(7)..... sử dụng phần mềm sát hạch lý thuyết và phần mềm sát hạch thực hành kỹ năng lái xe chấm điểm tự động. Các vấn đề an ninh, an toàn, bảo mật thông tin hệ thống được thực hiện theo quy định của Nhà nước và quy định của Bộ Công an.

Điều 3. Đồng chí Giám đốc Trung tâm (7).... có trách nhiệm duy trì tình trạng cơ sở vật chất, yêu cầu kỹ thuật của trung tâm sát hạch lái xe theo quy định của Bộ Công an.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Đồng chí Giám đốc Trung tâm ... (7)... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT.

..... (3).....
(ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Ở Bộ ghi Bộ Công an, ở địa phương ghi Công an tỉnh, thành phố.
- (2) ở Bộ ghi Cục CSGT, ở địa phương ghi Phòng CSGT.
- (3) ở Bộ ghi Cục trưởng, ở địa phương ghi Trưởng phòng.
- (4) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Cảnh sát giao thông (nếu ở Bộ), Phòng Cảnh sát giao thông (nếu ở địa phương).
- (5) Thông tư quy định về đào tạo, sát hạch, cấp, Giấy phép lái xe; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân.
- (6) Ở Bộ ghi Trưởng phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông ở địa phương ghi Trưởng phòng Cảnh sát giao thông.
- (7) Tên trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ được đề nghị xét công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân.
- Khổ in: A4.

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ ... , ngàythángnăm.....

QUYẾT ĐỊNH
Mở lớp đào tạo lái xe

.....(3).....

Căn cứ..... (4).....;

Căn cứ..... (5).....;

Theo đề nghị của.....(6).....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mở lớp đào tạo lái xe hạng khoá tại
.....(7)..... cho(8)..... học viên vào học và khai giảng
kể từ ngày tháng năm (có danh sách kèm theo).

Điều 2.(7) phải thực hiện đúng các quy định của Bộ
Công an về đào tạo lái xe, quy định tại(5).....;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. (6) chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát việc
đào tạo lái xe của(7)....., đề xuất tổ chức sát hạch khi khoá học kết thúc.

Nơi nhận:

- Như điều 2, 4;
- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Ở Bộ ghi Bộ Công an, ở địa phương ghi Công an tỉnh, thành phố.
- (2) ở Bộ ghi Cục CSGT, ở địa phương ghi Phòng CSGT.
- (3) ở Bộ ghi Cục trưởng, ở địa phương ghi Trưởng phòng.
- (4) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Cảnh sát giao thông (nếu ở Bộ), Phòng Cảnh sát giao thông (nếu ở địa phương).
- (5) Thông tư quy định về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân.
- (6) Ở Bộ ghi Trưởng phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông. Ở địa phương ghi Trưởng phòng Cảnh sát giao thông.
- (7) Tên cơ sở đào tạo lái xe.
- (8) Số lượng học viên.
- Khổ in: A4.

..... (1)
..... (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ, ngày.....thángnăm.....

QUYẾT ĐỊNH
Thành lập Hội đồng sát hạch lái xe

..... (3)

Căn cứ.....(4).....;

Căn cứ.....(5).....;

Theo đề nghị của.....(6).....;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Hội đồng sát hạch lái xe (ô tô/mô tô) hạng.....
cho.....học viên khoá..... do..... (7).....đào tạo (có danh sách kèm
theo), gồm các đồng chí có tên dưới đây:

1. Đồng chí..... - Chủ tịch Hội đồng;
2. Đồng chí - Phó Chủ tịch Hội đồng;
3. Đồng chí - Ủy viên;
4. Đồng chí - Thư ký;
5. Đồng chí - Sát hạch viên;

Điều 2. Hội đồng sát hạch lái xe có trách nhiệm tổ chức kỳ sát hạch từ
ngày.....đến ngày....., tại.....(8).....

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng sát hạch lái xe thực hiện theo
quy định tại (5).....;

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đồng chí có tên tại
Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT.

..... (3).....
(ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Ghi Bộ Công an.
- (2) Ở Bộ ghi Cục Cảnh sát giao thông; ở địa phương ghi Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
- (3) Ở Bộ ghi Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông; ở địa phương ghi Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
- (4) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Cảnh sát giao thông (nếu ở Bộ), Phòng Cảnh sát giao thông (nếu ở địa phương).
- (5) Thông tư quy định về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân.
- (6) Ở Bộ ghi Trưởng phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông; ở địa phương ghi Trưởng phòng Cảnh sát giao thông.
- (7) Tên cơ sở đào tạo lái xe.
- (8) Tên Trung tâm sát hạch lái xe.
- Khổ in: A4.

...(1)....
.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ ...

....., ngàythángnăm.....

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Hội đồng huỷ biểu mẫu và các giấy tờ liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe

.....(3).....

Căn cứ..... (4).....;

Căn cứ..... (5).....;

Theo đề nghị của.....(6).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng huỷ biểu mẫu trong công tác quản lý giấy phép lái xe, từ ngày thángnăm ... đến ngày thángnăm ... , gồm các đồng chí có tên dưới đây:

1. Đồng chí..... - Chủ tịch Hội đồng;
2. Đồng chí - Phó Chủ tịch Hội đồng;
3. Đồng chí - Ủy viên;
4. Đồng chí - Thư ký.

Điều 2. Hội đồng huỷ biểu mẫu trong công tác quản lý giấy phép lái xe có nhiệm vụ thống kê, kiểm tra thực tế những biểu mẫu bị hỏng, phân loại theo seri và tiến hành huỷ theo đúng quy định.

Điều 3. Các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng huỷ biểu mẫu trong công tác quản lý giấy phép lái xe tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu:...

.....(3).....
(ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Ghi Bộ Công an.
- (2) Ở Bộ ghi Cục Cảnh sát giao thông; ở địa phương ghi tên Công an tỉnh, thành phố.
- (3) Ở Bộ ghi Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông; ở địa phương ghi Giám đốc Công an tỉnh, thành phố.
- (4) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Cảnh sát giao thông (nếu ở Bộ), Công an tỉnh, thành phố (nếu ở địa phương).
- (5) Thông tư quy định về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân.
- (6) Ở Bộ ghi Trưởng phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông; ở địa phương ghi Trưởng phòng Cảnh sát giao thông.
- Khổ in: A4.

TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO MỞ LỚP BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CHO NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Kính gửi:(1).....

Thực hiện Thông tư số /.../TT-BCA ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Công an, Trung tâm..... báo cáo mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ như sau:

TT	Khóa, lớp	Số lượng	Địa điểm học	Ngày khai giảng	Ngày kiểm tra

Xin gửi kèm theo báo cáo này danh sách trích ngang học viên dự học.

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

DANH SÁCH TRÍCH NGANG HỌC VIÊN DỰ HỌC

(Gửi kèm theo Báo cáo số: ngày tháng năm 20))

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Số định danh cá nhân	Số bằng, chứng chỉ chuyên môn (nếu có) ngày, tháng, năm/nơi cấp

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Ở Bộ ghi Cục Cảnh sát giao thông; ở địa phương ghi tên Công an tỉnh, thành phố.

SÁT HẠCH THỰC HÀNH KỸ NĂNG LÁI XE TRONG HÌNH HẠNG A

(Ban hành kèm theo Thông tư số 109/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

I. Quy định chung

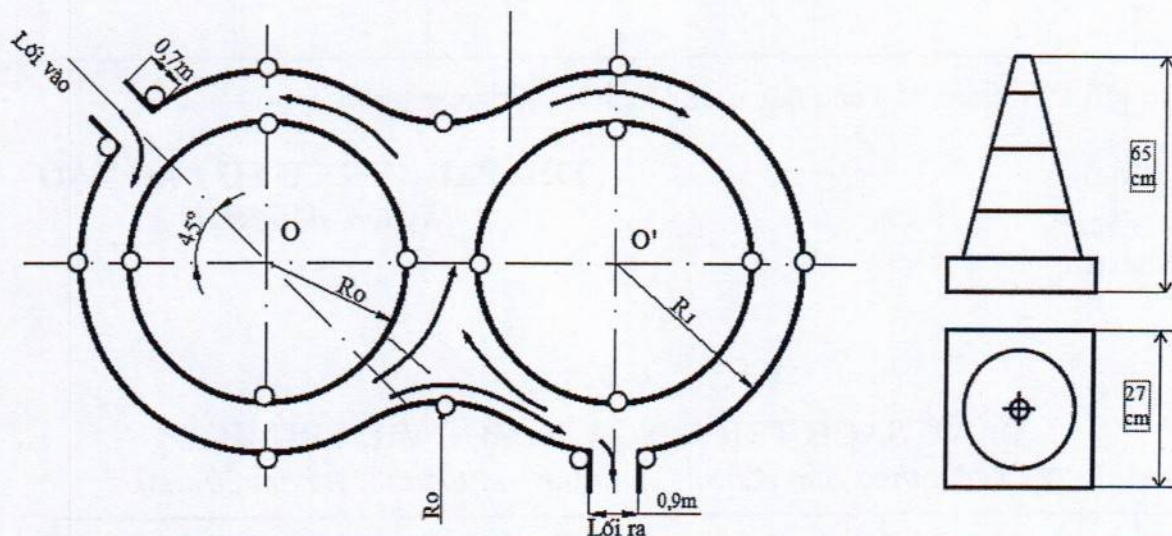
1. Hai sát hạch viên theo dõi quá trình thực hiện bài thi và chấm trừ điểm các lỗi vi phạm của thí sinh.

2. Tổng điểm 4 hình thi liên hoàn là 100. Thí sinh thực hiện cả 04 hình thi đạt từ 80 điểm trở lên thì đạt yêu cầu. Thí sinh bỏ qua một hình thi trở lên hoặc đạt dưới 80 điểm thì không đạt yêu cầu.

II. Thực hiện bài thi

1. Đi hình số 8

a) Kích thước hình thi:



KÍCH THƯỚC CƠ BẢN	Ký hiệu	Hạng A
Bán kính vòng ngoài	R1	3,4 m
Bán kính vòng tròn trong và bán kính điểm uốn nối tiếp giữa 02 vòng ngoài R0	R0	2,5 m
Khoảng cách giữa 02 tâm vòng tròn trong 00'	00'	6,3 m
Khoảng cách tâm giữa vòng tròn trong và vòng tròn nối tiếp 00'=R1+R0		5,9 m
Chóp giao thông bằng nhựa, sơn vạch màu đỏ, trắng xen kẽ, chiều cao 65 cm, đế cao su hình vuông rộng 27 cm. Vị trí đặt chóp như hình vẽ.		
Màu sơn hình số 8		Trắng

b) Trình tự thực hiện bài thi:

- Thí sinh được gọi tên, đưa xe đến vị trí quy định tại vạch xuất phát cách 3m trước cửa hình số 8, tắt máy chờ hiệu lệnh của sát hạch viên;

- Khi có hiệu lệnh khởi động máy, khởi hành số 1, tăng số phù hợp với điều kiện sân bãi thi, tiến đến cửa vào (cửa nghiêng 45 độ so với trục 00') của hình số 8;

- Vào cửa hình số 8 rẽ phải đi một vòng hình số 8;

- Tiếp tục điều khiển xe tiến đến cửa ra (cửa ra nghiêng 90 độ so với trục 00') tiến đến bài "vạch đường thẳng".

c) Yêu cầu bài thi:

- Đi đúng trình tự bài thi, bánh xe trong vạch giới hạn hình thi;

- Không được chông chân, đỗ xe, chết máy, đè vạch, chạm chóp giao thông.

d) Các lỗi bị trừ điểm:

- Đi không đúng trình tự bài thi, bị truất quyền thi;

- Bánh xe ra ngoài hình thi, trừ 25 điểm;

- Đỡ xe đỗ trong hình thi, trừ 25 điểm;

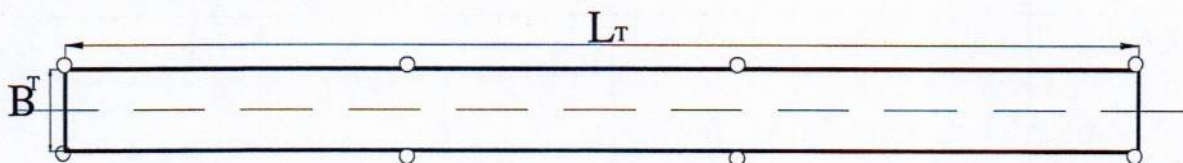
- Bánh xe đè vạch hình thi, chạm chóp, trừ 5 điểm;

- Chạm chân xuống đất trong hình thi, trừ 5 điểm;

- Chết máy trong hình thi, trừ 5 điểm.

2. Đi vạch đường thẳng

a) Kích thước hình thi:



Kích thước cơ bản	Hạng A
Chiều dài vạch đường thẳng L_T	27m
Chiều rộng vạch đường thẳng B_T	0,6m
Màu sơn vạch thẳng	Trắng

b) Trình tự thực hiện bài thi:

- Tiếp tục tiến đến hình thi "Vạch đường thẳng";

- Vào hình đi hết quãng đường hình thi "Vạch đường thẳng";

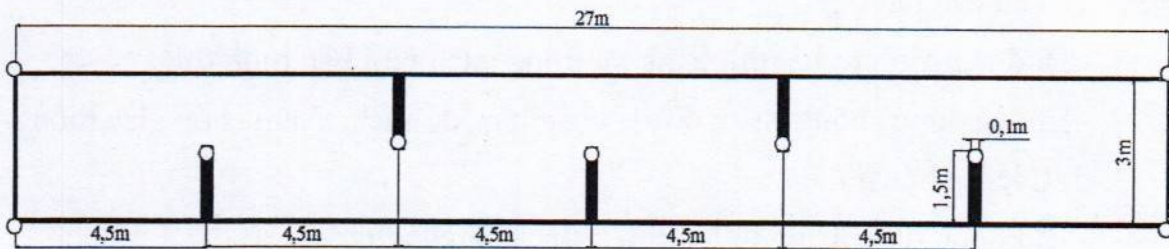
- Ra khỏi hình tiếp tục tiến đến hình thi "Đường có vạch cản".

c) Các lỗi bị trừ điểm:

- Đi không đúng trình tự bài thi, bị truất quyền thi;
- Bánh xe ra ngoài hình thi, trừ 25 điểm;
- Để xe đỗ trong hình thi, trừ 25 điểm;
- Bánh xe đè vạch hình thi, chạm chóp trừ 5 điểm;
- Chạm chân xuống đất trong hình thi, trừ 5 điểm;
- Chết máy trong hình thi, trừ 5 điểm.

3. Đi đường có vạch cản

a) Kích thước hình thi:



	Hình A
Chiều dài đoạn đường có vạch cản	27m
Khoảng cách giữa các vạch cản	4,5m
Chiều rộng làn đường có vạch cản	3,0m
Chiều dài vạch cản	1,5m
Chiều rộng vạch cản	0,1m
Màu sơn vạch cản	Trắng

b) Trình tự thực hiện bài thi:

- Tiếp tục tiến đến hình thi “Đường có vạch cản”;
- Vào hình đi hết quãng đường hình thi “Đường có vạch cản”;
- Ra khỏi hình tiếp tục tiến đến hình thi Đường gồ ghề”.

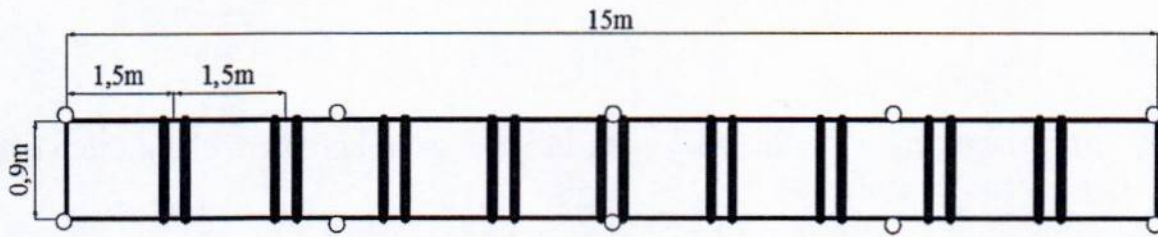
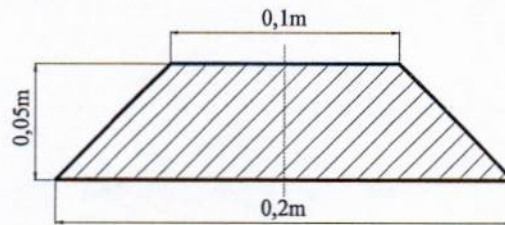
c) Các lỗi bị trừ điểm:

- Đi không đúng trình tự bài thi, bị truất quyền thi;
- Bánh xe ra ngoài hình thi, trừ 25 điểm;
- Để xe đỗ trong hình thi, trừ 25 điểm;
- Bánh xe đè qua mỗi vạch cản, trừ 5 điểm;
- Bánh xe đè qua vạch hình thi, trừ 5 điểm;
- Chạm chân xuống đất trong hình thi, trừ 5 điểm;
- Chết máy trong hình thi, trừ 5 điểm.

4. Đi đường gồ ghề

a) Kích thước hình thi:

9 dải gồ ghề cách đều:

Tiết diện dải gồ ghề:

Kích thước đường gồ ghề

	Hạng A
Chiều dài đoạn đường gồ ghề	15 m
Chiều dài dải đường gồ ghề	0.9 m
Chiều rộng đế dải gồ ghề	0.2 m
Chiều rộng thân dải gồ ghề	0.1 m
Chiều cao dải gồ ghề	0.05 m
Khoảng cách giữa các dải gồ ghề	1.5 m
Dải gồ ghề được thi công bằng bê tông nhựa hạt khô, đầm nén chặt	
Màu sơn trên mặt dải gồ ghề	Trắng

b) Trình tự thực hiện bài thi:

- Tiếp tục tiến đến hình thi “Đường gồ ghề”;
- Vào hình đi hết quãng đường hình thi “Đường gồ ghề”;
- Ra khỏi hình tiếp tục tiến đến và dừng lại tại vị trí quy định kết thúc bài thi “Sát hạch kỹ năng lái xe trong hình”.

c) Các lỗi bị trừ điểm:

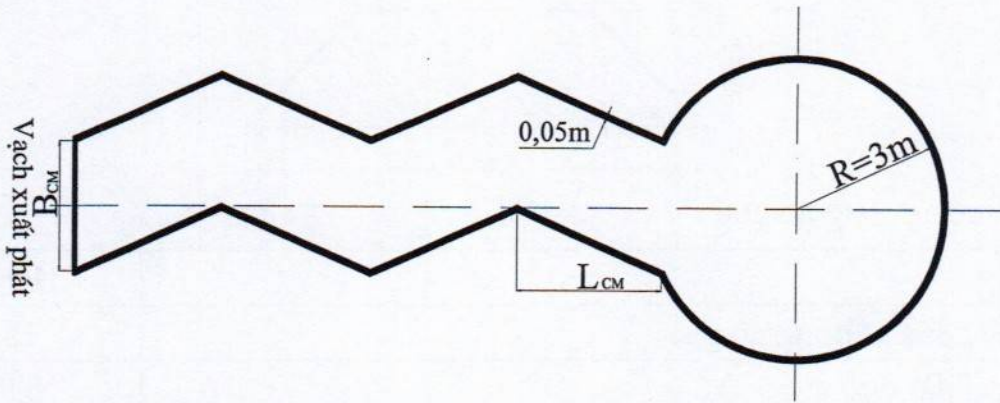
- Đi không đúng trình tự bài thi, bị truất quyền thi;
- Bánh xe ra ngoài hình thi, trừ 25 điểm;
- Để xe đỗ trong hình thi, trừ 25 điểm;
- Bánh xe đè vạch hình thi, chạm chóp trừ 5 điểm;
- Chạm chân xuống đất trong hình thi, trừ 5 điểm;
- Chết máy trong hình thi, trừ 5 điểm.

SÁT HẠCH THỰC HÀNH KỸ NĂNG LÁI XE TRONG HÌNH HẠNG B1
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 109/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026
 của Bộ trưởng Bộ Công an)

1. Quy định chung

- a) Hai sát hạch viên theo dõi quá trình thực hiện bài thi và chấm điểm các lỗi vi phạm của thí sinh;
- b) Tổng điểm bài thi lái xe trong hình là 100 điểm, thí sinh thực hiện bài thi đạt từ 80 điểm trở lên thì đạt yêu cầu.

2. Kích thước hình thi



B_{CM} (m) là chiều rộng ở đỉnh chữ chi	$B_{CM} = b_M + 0,6$ (m)
L_{CM} (m) là chiều dài của từng hình bình hành tạo thành hình chữ chi	$L_{CM} = 1,5a_M$

Với b_M (m) là chiều rộng xe mô tô 3 bánh.

a_M (m) là chiều dài mô tô 3 bánh.

Trên đường trục tâm của 2 điểm A và B quay cung $R = 3m$

3. Trình tự thực hiện bài thi

a) Thí sinh được gọi tên, đưa xe đến vị trí quy định tại vạch xuất phát cách 3m trước cửa hình thi, tắt máy chờ hiệu lệnh của sát hạch viên;

b) Khởi động máy theo hiệu lệnh của sát hạch viên;

c) Khởi hành số 1, đến đầu hình tăng lên số 2 và đi vào hình chữ chi;

- Nếu xe không có số lùi: quay đầu xe lại theo chiều kim đồng hồ trong phạm vi đường tròn hạn chế cuối hình chữ chi và đi lần thứ 2 theo hình chữ chi ngược lại rồi ra khỏi hình thi.

- Nếu xe có số lùi: cho xe đi qua hình chữ chi 1m thì dừng lại (không phải đi theo đường tròn) tiếp đó lùi lại theo hình chữ chi, hết hình rồi ra khỏi hình thi.


4. Các lỗi bị trừ điểm

- a) Điều khiển xe bị rung giật, trừ 5 điểm;
- b) Không tăng số 2 khi vào hình chữ chi, trừ 5 điểm;
- c) Bánh xe đè lên vạch chuẩn hình thi, trừ 10 điểm;
- d) Chết máy trong khi thực hiện bài sát hạch, trừ 10 điểm;
- đ) Một bánh xe ra ngoài hình thi, trừ 25 điểm;
- e) Không lùi lại theo hình chữ chi đối với xe có số lùi, bị truất quyền thi.

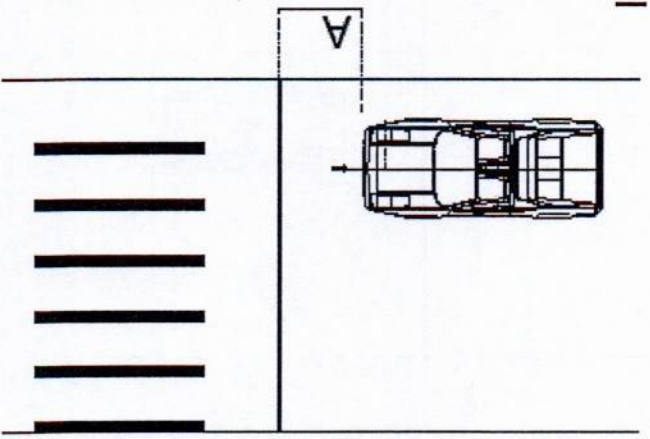
SÁT HẠCH THỰC HÀNH KỸ NĂNG LÁI XE TRONG HÌNH HẠNG B, C1, C, D1, D2, D

(Ban hành kèm theo Thông tư số 109/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

BÀI: XUẤT PHÁT

HÌNH THI	CÁC BƯỚC THỰC HIỆN	YÊU CẦU ĐẠT ĐƯỢC	CÁC LỖI BỊ TRỪ ĐIỂM
<p style="text-align: center;">XUẤT PHÁT</p> 	<ol style="list-style-type: none"> Thắt dây an toàn; Xe nổ máy ở vị trí trước vạch xuất phát; Khi có lệnh xuất phát (đèn xanh trên xe bật sáng, tiếng loa trên xe báo lệnh xuất phát), bật đèn xi nhan trái, lái xe xuất phát; Tắt đèn xi nhan trái ở khoảng cách 5m sau vạch xuất phát (đèn xanh trên xe tắt); Lái xe đến bài thi tiếp theo. 	<ol style="list-style-type: none"> Thắt dây an toàn trước khi xuất phát; Khởi hành nhẹ nhàng, không bị rung giật, trong khoảng thời gian 20 giây; Bật đèn xi nhan trái trước khi xuất phát; Tắt đèn xi nhan trái ở khoảng cách 5 m sau vạch xuất phát (đèn xanh trên xe tắt); Giữ tốc độ động cơ không quá 4.000 vòng/phút; Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ; Tốc độ xe chạy không quá: <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2; - 20 km/h đối với hạng C1, C, D. 	<ol style="list-style-type: none"> Không thắt dây an toàn, bị trừ 5 điểm; Không bật đèn xi nhan trái khi xuất phát, bị trừ 5 điểm; Không tắt đèn xi nhan trái ở khoảng cách 5m sau vạch xuất phát (đèn xanh trên xe tắt), bị trừ 5 điểm; Không bật và tắt đèn xi nhan trái kịp thời, bị trừ 5 điểm; Quá 20 giây kể từ khi có lệnh xuất phát (đèn xanh trên xe bật sáng) không đi qua vạch xuất phát, bị trừ 5 điểm; Quá 30 giây kể từ khi có lệnh xuất phát (đèn xanh trên xe bật sáng) không đi qua vạch xuất phát, bị truất quyền thi; Lái xe lên vỉa hè bị truất quyền thi; Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị truất quyền thi; Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 5 điểm; Để tốc độ động cơ quá 4.000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 5 điểm; Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 3 giây bị trừ 1 điểm.

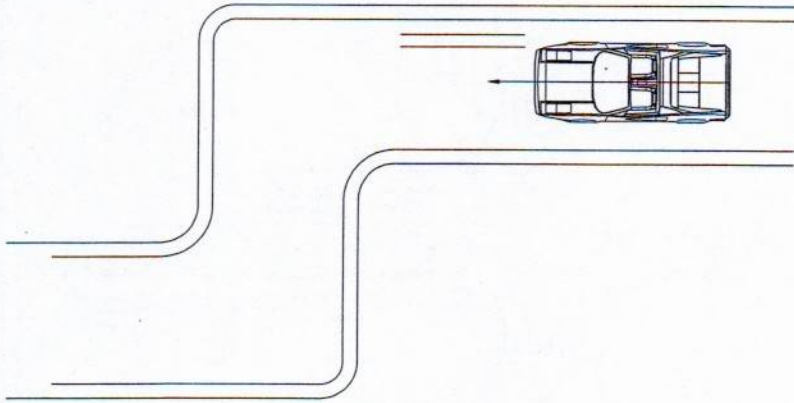
BÀI: DỪNG XE NHƯỜNG ĐƯỜNG CHO NGƯỜI ĐI BỘ

HÌNH THỊ	CÁC BƯỚC THỰC HIỆN	YÊU CẦU ĐẠT ĐƯỢC	CÁC LỖI BỊ TRỪ ĐIỂM
	<ol style="list-style-type: none"> Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500 mm; Lái xe đến bài thi tiếp theo. 	<ol style="list-style-type: none"> Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500 mm; Giữ tốc độ động cơ không quá 4.000 vòng/phút; Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ; Tốc độ xe chạy không quá: <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2; - 20 km/h đối với hạng C1, C, D. 	<ol style="list-style-type: none"> Không dừng xe ở vạch dừng quy định, bị trừ 5 điểm; Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định ($A > 500$ mm), bị trừ 5 điểm; Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị trừ 5 điểm; Lái xe lên vỉa hè, bị truất quyền thi; Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị truất quyền thi; Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 5 điểm; Đề tốc độ động cơ quá 4.000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 5 điểm; Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 3 giây bị trừ 1 điểm; Tổng thời gian thực hiện đến bài thi số 2 quá quy định, cứ 3 giây bị trừ 1 điểm; Điểm thi dưới 80 điểm, bị truất quyền thi.

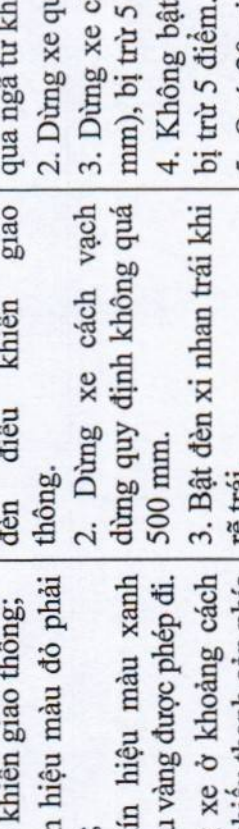
BÀI: DỪNG VÀ KHỞI HÀNH XE NGANG DỐC

HÌNH THI	CÁC BƯỚC THỰC HIỆN	YÊU CẦU ĐẠT ĐƯỢC	CÁC LỖI BỊ TRỪ ĐIỂM
	<ol style="list-style-type: none"> Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500 mm. Khởi hành lên dốc nhẹ nhàng, không bị tụt dốc, bảo đảm thời gian quy định. Lái xe đến bài thi tiếp theo. 	<ol style="list-style-type: none"> Dùng xe cách vạch dừng quy định, không quá 500 mm. Khởi hành xe êm dịu, không bị tụt dốc quá 500 mm. Xe qua vị trí dừng trong khoảng thời gian 30 giây. Giữ tốc độ động cơ không quá 4.000 vòng/phút. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ. Tốc độ xe chạy không quá: <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2; - 20 km/h đối với hạng C1, C, D. 	<ol style="list-style-type: none"> Không dừng xe ở vạch dừng quy định, bị trừ 1 điểm. Dùng xe chưa đến vạch dừng quy định (A > 500 mm), bị trừ 5 điểm. Dùng xe quá vạch dừng quy định, bị trừ 1 điểm. Quá thời gian 20 giây kể từ khi dừng xe, không khởi hành xe qua vị trí dừng, bị trừ 5 điểm. Quá thời gian 30 giây kể từ khi dừng xe, không khởi hành xe qua vị trí dừng, bị trừ 1 điểm. Xe bị tụt dốc quá 500 mm kể từ khi dừng xe, bị trừ 1 điểm. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị trừ 1 điểm. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 5 điểm. Đề tốc độ động cơ quá 4.000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 5 điểm. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 3 giây bị trừ 1 điểm. Tổng thời gian thực hiện đến bài thi số 3 quá quy định, cứ 3 giây bị trừ 1 điểm. Điểm thi dưới 80 điểm, bị trừ 1 điểm.

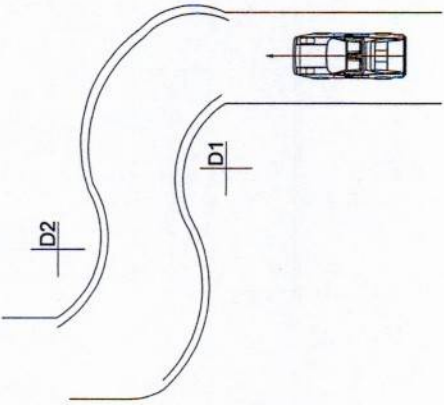
BÀI: QUA VẾT BÁNH XE, ĐƯỜNG VÒNG VUÔNG GÓC

HÌNH THỊ	CÁC BƯỚC THỰC HIỆN	YÊU CẦU ĐẠT ĐƯỢC	CÁC LỖI BỊ TRỪ ĐIỂM
	<ol style="list-style-type: none"> Lái xe để bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ qua vùng giới hạn của hình vết bánh xe. Lái xe qua đường vòng vuông góc trong vùng giới hạn của hình thi trong thời gian 2 phút. Lái xe qua vạch kết thúc bài thi và đến bài thi tiếp theo. 	<ol style="list-style-type: none"> Đi đúng hình quy định của hạng xe thi. Bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ qua vùng giới hạn của hình vết bánh xe. Bánh xe không đè vào đường giới hạn ống khí. Hoàn thành bài thi trong thời gian 2 phút. Giữ tốc độ động cơ không quá 4.000 vòng/phút. Tốc độ xe chạy không quá: <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2; - 20 km/h đối với hạng C1, C, D. 	<ol style="list-style-type: none"> Đi không đúng hình của hạng xe thi, bị trừ 1 điểm. Bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ không qua vùng giới hạn của hình vết bánh xe, bị trừ 1 điểm. Bánh xe đè vào đường giới hạn ống khí, bị trừ 1 điểm. Bánh xe đè vào đường giới hạn ống khí, cứ quá 5 giây, bị trừ 1 điểm. Thời gian thực hiện bài thi, cứ quá 2 phút bị trừ 1 điểm. Lái xe lên vỉa hè, bị trừ 1 điểm. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị trừ 1 điểm. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 1 điểm. Đề tốc độ động cơ quá 4.000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 1 điểm. Xe quá tốc độ quy định, cứ 3 giây bị trừ 1 điểm. Tổng thời gian thực hiện đến bài thi số 4 quá quy định, cứ 3 giây bị trừ 1 điểm. Điểm thi dưới 80 điểm, bị trừ 1 điểm.

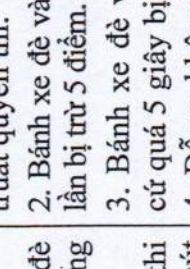
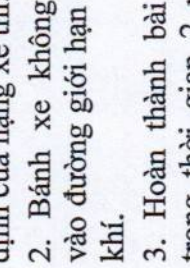
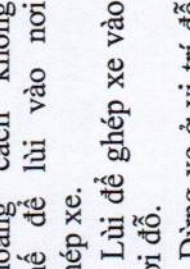
BÀI: QUA NGÃ TƯ CÓ TÍN HIỆU ĐIỀU KHIỂN GIAO THÔNG

HÌNH THI	CÁC BƯỚC THỰC HIỆN	YÊU CẦU ĐẠT ĐƯỢC	CÁC LỖI BỊ TRỪ ĐIỂM
	<p>1. Chấp hành theo tín hiệu đèn điều khiển giao thông;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đèn tín hiệu màu đỏ phải dừng lại; - Đèn tín hiệu màu xanh hoặc màu vàng được phép đi. <p>2. Dừng xe ở khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A); không quá 500 mm.</p> <p>3. Bật đèn xi nhan trái khi qua ngã tư rẽ trái.</p> <p>4. Bật đèn xi nhan phải khi qua ngã tư rẽ phải.</p> <p>5. Lái xe qua ngã tư trong thời gian quy định.</p> <p>6. Lái xe vi phạm vạch kẻ đường để thiết bị báo không thực hiện đúng trình tự bài thi, bị trừ điểm quyền thi.</p> <p>7. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị trừ điểm quyền thi.</p> <p>8. Lái xe lên vỉa hè, bị trừ điểm quyền thi.</p> <p>9. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị trừ điểm quyền thi.</p> <p>10. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 5 điểm.</p> <p>11. Để tốc độ động cơ quá 4.000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 5 điểm.</p> <p>12. Xe quá tốc độ quy định, cứ 3 giây bị trừ 1 điểm.</p> <p>13. Tổng thời gian thực hiện đến bài thi số 5 quá quy định, cứ 3 giây bị trừ 1 điểm.</p> <p>14. Điểm thi dưới 80 điểm, bị trừ điểm quyền thi.</p>	<p>1. Chấp hành theo tín hiệu đèn điều khiển giao thông.</p> <p>2. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500 mm.</p> <p>3. Bật đèn xi nhan trái khi rẽ trái.</p> <p>4. Bật đèn xi nhan phải khi rẽ phải.</p> <p>5. Xe qua ngã tư trong thời gian 20 giây.</p> <p>6. Lái xe qua ngã tư không vi phạm quy tắc giao thông đường bộ.</p> <p>7. Giữ tốc độ động cơ không quá 4.000 vòng/phút.</p> <p>8. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2; - 20 km/h đối với hạng C1, C, D. 	<p>1. Vi phạm đèn tín hiệu điều khiển giao thông (đi qua ngã tư khi đèn tín hiệu màu đỏ), bị trừ 10 điểm.</p> <p>2. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị trừ 5 điểm.</p> <p>3. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định (A>500 mm), bị trừ 5 điểm.</p> <p>4. Không bật đèn xi nhan khi rẽ trái hoặc rẽ phải, bị trừ 5 điểm.</p> <p>5. Quá 20 giây từ khi đèn tín hiệu màu xanh bắt sáng không lái xe qua được vạch kết thúc ngã tư, bị trừ 5 điểm.</p> <p>6. Quá 30 giây kể từ khi đèn tín hiệu màu xanh bắt sáng không lái xe qua được vạch kết thúc ngã tư, bị trừ điểm quyền thi.</p> <p>7. Lái xe vi phạm vạch kẻ đường để thiết bị báo không thực hiện đúng trình tự bài thi, bị trừ điểm quyền thi.</p> <p>8. Lái xe lên vỉa hè, bị trừ điểm quyền thi.</p> <p>9. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị trừ điểm quyền thi.</p> <p>10. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 5 điểm.</p> <p>11. Để tốc độ động cơ quá 4.000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 5 điểm.</p> <p>12. Xe quá tốc độ quy định, cứ 3 giây bị trừ 1 điểm.</p> <p>13. Tổng thời gian thực hiện đến bài thi số 5 quá quy định, cứ 3 giây bị trừ 1 điểm.</p> <p>14. Điểm thi dưới 80 điểm, bị trừ điểm quyền thi.</p>

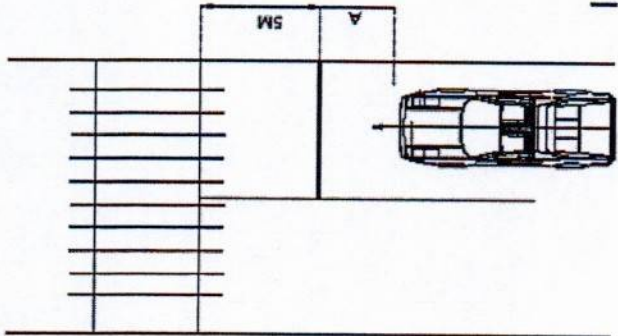
BÀI: QUA ĐƯỜNG VÒNG QUANH CO

HÌNH THI	CÁC BƯỚC THỰC HIỆN	YÊU CẦU ĐẠT ĐƯỢC	CÁC LỖI BỊ TRỪ ĐIỂM
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lái xe qua đường vòng quanh co trong vùng giới hạn của hình thi trong thời gian 2 phút. 2. Lái xe qua vạch kết thúc bài thi và đến bài thi tiếp theo. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đi đúng hình quy định của hạng xe thi. 2. Bánh xe không đè vào đường giới hạn ống khí. 3. Hoàn thành bài thi trong thời gian 2 phút. 4. Giữ tốc độ động cơ không quá 4.000 vòng/phút. 5. Tốc độ xe chạy không quá: <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2; - 20 km/h đối với hạng C1, C, D. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đi không đúng hình của hạng xe thi, bị trừ 1 quyền thi. 2. Bánh xe đè vào đường giới hạn ống khí, mỗi lần bị trừ 5 điểm. 3. Bánh xe đè vào đường giới hạn ống khí, cứ quá 5 giây bị trừ 5 điểm. 4. Thời gian thực hiện bài thi, cứ quá 2 phút bị trừ 5 điểm. 5. Lái xe lên via hè, bị trừ 1 quyền thi. 6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị trừ 1 quyền thi. 7. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 5 điểm. 8. Đẻ tốc độ động cơ quá 4.000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 5 điểm. 9. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 3 giây, bị trừ 1 điểm. 10. Tổng thời gian thực hiện đến bài thi số 6 quá quy định, cứ 3 giây bị trừ 1 điểm. 11. Điểm thi dưới 80 điểm, bị trừ 1 quyền thi.

BÀI: GHEP XE VÀO NƠI ĐỖ

HÌNH THỊ	CÁC BƯỚC THỰC HIỆN	YÊU CẦU ĐẠT ĐƯỢC	CÁC LỖI BỊ TRỪ ĐIỂM
<p>Hình bài ghép dọc hạng B, C1</p>  <p>Hình bài ghép ngang hạng C, D1, D2, D</p>  <p>Hình bài ghép ngang hạng B</p> 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lái xe tiến vào khoảng cách không chệch để lùi vào nơi ghép xe. 2. Lùi để ghép xe vào nơi đỗ. 3. Dùng xe ở vị trí đỗ quy định. 4. Lái xe qua vạch kết thúc bài thi và đến bài thi tiếp theo. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đi đúng hình quy định của hạng xe thi. 2. Bánh xe không đè vào đường giới hạn ống kính. 3. Hoàn thành bài thi trong thời gian 2 phút đối với hạng C1, C, D1, D2, D; 04 phút đối với hạng B. 4. Giữ tốc độ động cơ không quá 4.000 vòng/phút. 5. Tốc độ xe chạy không quá: <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2; - 20 km/h đối với hạng C1, C, D. 6. Giữ động cơ hoạt động liên tục. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đi không đúng hình của hạng xe thi, bị truất quyền thi. 2. Bánh xe đè vào đường giới hạn ống kính, mỗi lần bị trừ 5 điểm. 3. Bánh xe đè vào đường giới hạn ống kính, cứ quá 5 giây bị trừ 5 điểm. 4. Đỗ xe không đúng vị trí quy định (không có tín hiệu báo kết thúc), bị trừ 5 điểm. 5. Thời gian thực hiện bài thi cứ quá 2 phút, bị trừ 5 điểm. 6. Lái xe lên vỉa hè, bị truất quyền thi. 7. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị truất quyền thi. 8. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 5 điểm. 9. Để tốc độ động cơ quá 4.000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 5 điểm. 10. Xe quá tốc độ quy định, cứ 3 giây bị trừ 1 điểm. 11. Tổng thời gian của bài đang thực hiện quá quy định, cứ 3 giây bị trừ 1 điểm. 12. Điểm thi dưới 80 điểm, bị truất quyền thi. 13. Chưa ghép được xe vào nơi đỗ, bị truất quyền thi.

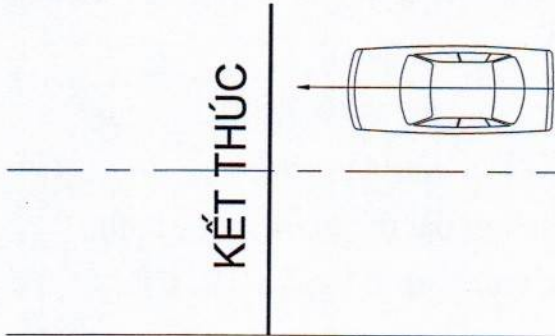
BÀI: TẠM DỪNG Ở CHỖ CÓ ĐƯỜNG SẮT CHẠY QUA

HÌNH THỊ	CÁC BƯỚC THỰC HIỆN	YÊU CẦU ĐẠT ĐƯỢC	CÁC LỖI BỊ TRỪ ĐIỂM
	<ol style="list-style-type: none"> Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500 mm. Lái xe đến bài thi tiếp theo. 	<ol style="list-style-type: none"> Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500 mm. Giữ tốc độ động cơ không quá 4.000 vòng/phút. Tốc độ xe chạy không quá: <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2; - 20 km/h đối với hạng C1, C, D. 	<ol style="list-style-type: none"> Không dừng xe ở vạch dừng quy định, bị trừ 5 điểm. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định (A > 500 mm), bị trừ 5 điểm. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị trừ 5 điểm. Lái xe lên vỉa hè bị truất quyền thi. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị truất quyền thi. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 5 điểm. Để tốc độ động cơ quá 4.000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 5 điểm. Xe quá tốc độ quy định, cứ 3 giây bị trừ 1 điểm. Tổng thời gian thực hiện đến bài thi số 8 quá quy định, cứ 3 giây bị trừ 1 điểm. Điểm thi dưới 80 điểm, bị truất quyền thi.

BÀI: THAY ĐỔI SỐ TRÊN ĐƯỜNG BĂNG

HÌNH THỊ	CÁC BƯỚC THỰC HIỆN	YÊU CẦU ĐẠT ĐƯỢC	CÁC LỖI BỊ TRỪ ĐIỂM
	<ol style="list-style-type: none"> Trên quãng đường 25 m kể từ khi bắt đầu vào bài thi, phải thay đổi số và tốc độ như sau: <ol style="list-style-type: none"> Đối với xe hạng B: Từ số 1 lên số 2 và trên 24 km/h; Đối với xe hạng D1, D2: Từ số 2 lên số 3 và trên 24 km/h; Đối với xe hạng C1, C, D: Từ số 2 lên số 3 và trên 20 km/h. Trên quãng đường 25 m còn lại của bài thi phải thay đổi số và tốc độ ngược lại. Lái xe đến bài thi tiếp theo. 	<ol style="list-style-type: none"> Trên quãng đường 25 m kể từ khi bắt đầu vào bài thi, phải thay đổi số và tốc độ như sau: <ol style="list-style-type: none"> Đối với xe hạng B: Từ số 1 lên số 2 và trên 24 km/h; Đối với xe hạng D1, D2: Từ số 2 lên số 3 và trên 24 km/h; Đối với xe hạng C1, C, D: Từ số 2 lên số 3 và trên 20 km/h. Trên quãng đường 25 m còn lại của bài thi phải thay đổi số và tốc độ ngược lại. Hoàn thành bài thi trong thời gian 2 phút. Giữ tốc độ động cơ không quá 4.000 vòng/phút. 	<ol style="list-style-type: none"> Không thay đổi số theo quy định, bị trừ 5 điểm. Không thay đổi tốc độ theo quy định, bị trừ 5 điểm. Không thay đổi đúng số và đúng tốc độ quy định, bị trừ 5 điểm. Thời gian thực hiện bài thi, cứ quá 2 phút bị trừ 5 điểm. Lái xe lên vỉa hè, bị truất quyền thi. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị truất quyền thi. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 5 điểm. Đề tốc độ động cơ quá 4.000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 5 điểm. Tổng thời gian thực hiện đến bài thi số 9 quá quy định, cứ 3 giây bị trừ 1 điểm. Điểm thi dưới 80 điểm, bị truất quyền thi.

BÀI: KẾT THÚC

HÌNH THỊ	CÁC BƯỚC THỰC HIỆN	YÊU CẦU ĐẠT ĐƯỢC	CÁC LỖI BỊ TRỪ ĐIỂM
<p style="text-align: center;">KẾT THÚC</p> 	<ol style="list-style-type: none"> Bật đèn xi nhan phải khi xe qua vạch kết thúc. Lái xe qua vạch kết thúc và dừng xe. 	<ol style="list-style-type: none"> Bật đèn xi nhan phải khi xe qua vạch kết thúc. Lái xe qua vạch kết thúc. Giữ tốc độ động cơ không quá 4.000 vòng/phút. Tốc độ xe chạy không quá: <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2; - 20 km/h đối với hạng C1, C, D. 	<ol style="list-style-type: none"> Không qua vạch kết thúc, bị trừ 1 quyền thi. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị trừ quyền thi. Lái xe lên vỉa hè, bị trừ quyền thi. Điểm thi dưới 80 điểm, bị trừ quyền thi. Khi xe qua vạch kết thúc: <ol style="list-style-type: none"> a. Không bật đèn xi nhan phải, bị trừ 5 điểm; b. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 5 điểm; c. Để tốc độ động cơ quá 4.000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 5 điểm; d. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 3 giây bị trừ 1 điểm; đ. Tổng thời gian thực hiện các bài thi quá quy định, cứ 3 giây bị trừ 1 điểm.

TÌNH HUỐNG NGUY HIỂM BÁT NGỜ

Trong quá trình thí sinh thực hiện các bài thi liên hoàn, trên sân sát hạch thí sinh sẽ gặp tình huống nguy hiểm; tình huống này xuất hiện ngẫu nhiên, bất ngờ. Khi có tín hiệu báo tình huống nguy hiểm (tiếng loa báo tín hiệu nguy hiểm và đèn đỏ trên xe bật sáng) nếu thí sinh không phanh dừng xe trong thời gian 3 giây sẽ bị trừ 10 điểm; nếu không ấn nút để bật tín hiệu nguy hiểm trên xe trong thời gian 5 giây bị trừ 10 điểm; khi hết tín hiệu báo tình huống nguy hiểm, nếu không ấn nút tắt tín hiệu nguy hiểm trên xe trước khi đi tiếp bị trừ 10 điểm; nếu không thực hiện được các thao tác trên bị trừ 10 điểm.

**SÁT HẠCH THỰC HÀNH KỸ NĂNG LÁI XE TRONG HÌNH
HẠNG BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 109/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)*

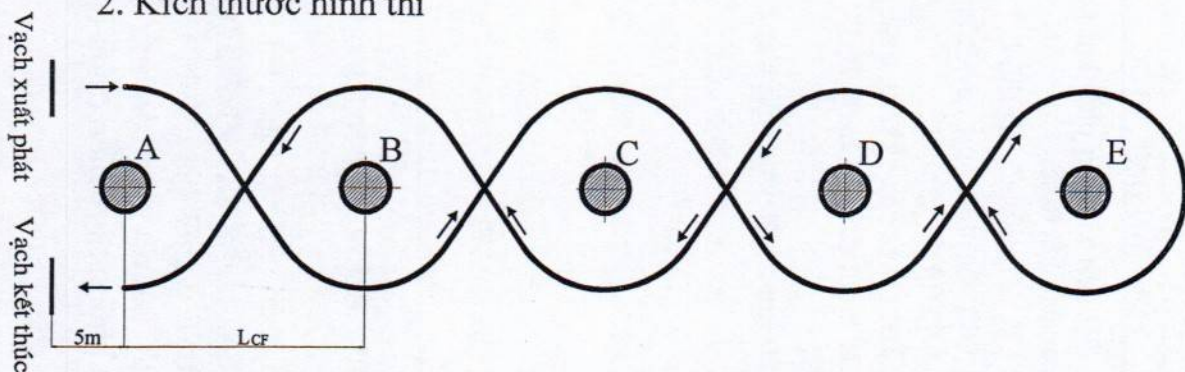
I. Sát hạch kỹ năng lái xe trong hình hạng BE, D1E, D2E, DE

1. Quy định chung

a) Hai sát hạch viên theo dõi quá trình thực hiện bài thi và chấm trừ điểm các lỗi vi phạm của thí sinh;

b) Tổng điểm bài thi lái xe trong hình là 100 điểm, thí sinh thực hiện bài thi đạt từ 80 điểm trở lên thì đạt yêu cầu.

2. Kích thước hình thi



Hình đi theo 5 cọc chuẩn A, B, C, D, E với khoảng cách các cọc:

$$AB = BC = CD = DE = L_{CF} = 1,4a_F$$

Với a_F (m) là chiều dài toàn bộ ô tô kéo rơ moóc (chiều dài ô tô, chiều dài càng rơ moóc và chiều dài rơ moóc).

3. Trình tự thực hiện bài thi

Xe khởi hành đi số 1 đến phạm vi hình thi tăng số 2 cho xe tiến vòng theo hình mũi tên hết hình rồi vòng trở lại theo hướng ngược lại và đi vòng theo hình mũi tên hết hình rồi rời khỏi hình thi.

4. Các lỗi bị trừ điểm

- Chạm một cọc chuẩn nhưng không đổ, mỗi lần trừ 10 điểm;
- Đổ một cọc chuẩn, mỗi lần trừ 15 điểm;
- Điều khiển xe bị chết máy, mỗi lần trừ 5 điểm;
- Điều khiển xe bị rung giật mạnh, trừ 5 điểm;
- Không thực hiện đúng trình tự bài thi, bị truất quyền thi.

II. Sát hạch kỹ năng lái xe trong hình hạng C1E, CE

1. Quy định chung

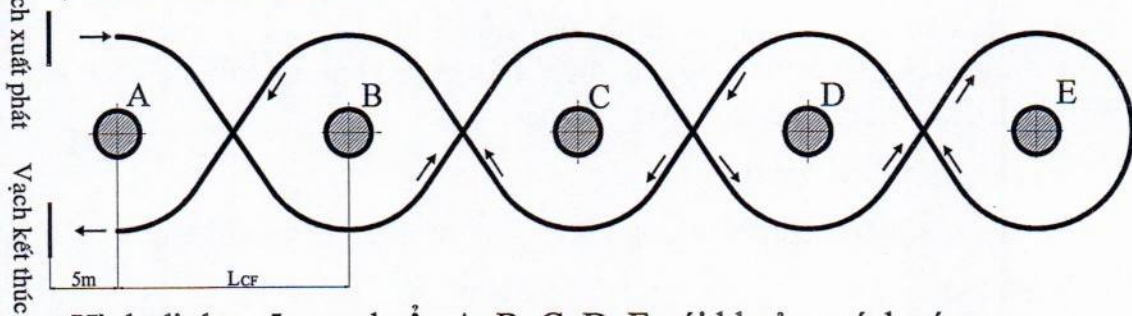
- Phương tiện dùng để sát hạch là ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc loại 20 feet;

b) Hai sát hạch viên theo dõi quá trình thực hiện bài thi và chấm trừ điểm các lỗi vi phạm của thí sinh;

c) Tổng điểm bài thi lái xe liên hoàn trong hình là 100 điểm, thí sinh thực hiện bài thi đạt từ 80 điểm trở lên thì đạt yêu cầu.

2. Bài thi lái xe qua 5 cọc chuẩn và vòng trở lại (Bài 1)

a) Kích thước hình thi



Hình đi theo 5 cọc chuẩn A, B, C, D, E với khoảng cách các cọc:

$$AB = BC = CD = DE = L_{CF} = 1,4a_F$$

Với a_F (m) là chiều dài toàn bộ ô tô kéo rơ moóc (chiều dài ô tô, chiều dài càng rơ moóc và chiều dài rơ moóc).

b) Trình tự thực hiện bài thi

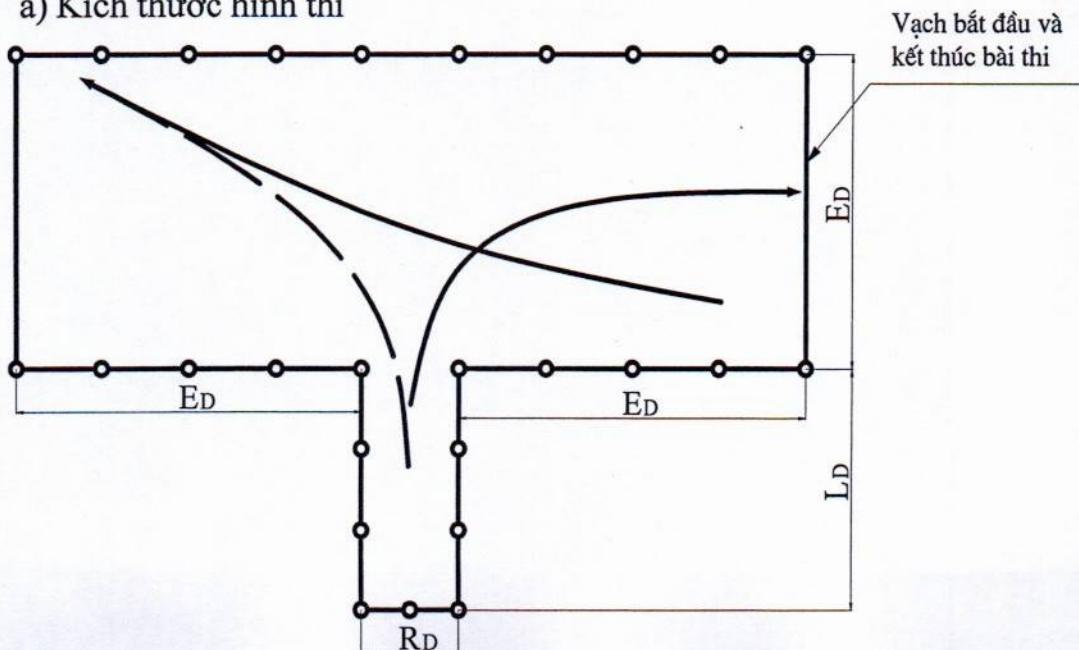
Xe khởi hành đi số 1 đến phạm vi hình thi tăng số 2 cho xe tiến vòng theo hình mũi tên qua 5 cọc chuẩn và vòng theo hướng ngược lại và đi vòng theo hình mũi tên qua 5 cọc chuẩn rồi ra khỏi hình thi trong thời gian 03 phút và đến bài thi thứ 2.

c) Xác định lỗi, trừ điểm

- Chạm một cọc chuẩn nhưng không đổ, mỗi lần trừ 10 điểm;
- Đổ một cọc chuẩn, mỗi lần trừ 15 điểm;
- Xe bị chết máy trong hình, mỗi lần trừ 5 điểm;
- Không thực hiện đúng trình tự bài thi bị truất quyền thi.

3. Bài thi ghép xe vào nơi đỗ (Bài 2)

a) Kích thước hình thi



E_D = Chiều dài toàn bộ đoàn xe x 1,5.

L_D = Chiều dài toàn bộ đoàn xe + 1(mét).

R_D = Chiều rộng toàn bộ xe + 1(mét).

b) Trình tự thực hiện bài thi

Lái xe tiến vào khoảng cách không chế để lùi vào nơi ghép xe dọc. Lùi xe vào nơi đỗ và dừng xe ở vị trí đỗ quy định. Lái xe ra khỏi nơi đỗ qua vạch kết thúc và dừng lại. Thời gian thực hiện trong 05 phút.

c) Các lỗi bị trừ điểm

- Chạm một cọc chuẩn nhưng không đỗ, mỗi lần trừ 10 điểm;
- Đỗ một cọc chuẩn, mỗi lần trừ 15 điểm;
- Đỗ xe không đúng vị trí quy định, bị trừ 5 điểm;
- Xe bị chết máy trong hình thi, mỗi lần trừ 5 điểm;
- Chưa ghép được xe vào nơi đỗ (khi kết thúc bài thi, còn một phần thân xe nằm ngoài khu vực ghép xe), bị truất quyền thi.

SÁT HẠCH THỰC HÀNH KỸ NĂNG LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG
HẠNG B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE
(Ban hành kèm theo Thông tư số 109/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)

1. Quy định chung

a) Sát hạch viên ngồi trên xe để đưa ra các yêu cầu đối với người dự sát hạch, phân tích và ghi các lỗi vi phạm của thí sinh.

b) Tổng điểm bài sát hạch lái xe trên đường là 100, thí sinh thực hiện bài thi đạt yêu cầu là từ 80 điểm trở lên.

2. Trình tự thực hiện và các lỗi trừ điểm

CÁC BƯỚC THỰC HIỆN	YÊU CẦU ĐẠT ĐƯỢC	CÁC LỖI BỊ TRỪ ĐIỂM
1. Khởi hành theo hiệu lệnh của sát hạch viên.	1. Bật và tắt đèn xi nhan hợp lý khi khởi hành.	1. Không thắt dây an toàn, bị trừ 10 điểm.
2. Bật và tắt đèn xi nhan trái khi xuất phát.	2. Nhả phanh đỗ trước khi khởi hành, xe không bị rung giật mạnh và lùi về phía sau quá 500 mm.	2. Không bật đèn xi nhan trái trước khi khởi hành, bị trừ 10 điểm.
3. Nhả phanh đỗ trước khi xuất phát.	3. Trong khoảng 15 m đầu phải tăng từ số 1 lên số 3.	3. Không tắt đèn xi nhan trái khi xe đã nhập làn đường, bị trừ 10 điểm.
4. Tăng số : Trong khoảng 15m đầu phải tăng từ số 1 lên số 3.	4. Sử dụng số phù hợp với tình trạng mặt đường.	4. Khởi hành xe bị rung giật mạnh, bị trừ 10 điểm.
5. Lái xe phù hợp địa hình, tình huống giao thông trên đường.	5. Chấp hành quy tắc giao thông đường bộ như: Biển báo đường bộ, tốc độ và khoảng cách quy định, đèn tín hiệu giao thông, vạch kẻ phân làn đường, nhường đường cho các xe ưu tiên ; tránh, vượt xe khác.	5. Không nhả hết phanh đỗ khi khởi hành, bị trừ 10 điểm.
6. Thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên.	6. Thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên.	6. Trong khoảng 15 m đầu không tăng được số, bị trừ 10 điểm.
7. Dừng hoặc đỗ xe sát lề đường giao thông công cộng ...	7. Giảm hết số khi dừng xe.	7. Sử dụng tay số không phù hợp với tình trạng mặt đường, bị trừ 10 điểm.
8. Bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe.	8. Dừng hoặc đỗ xe đúng vị trí quy định.	8. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, bị trừ 30 điểm.
9. Giảm hết số khi dừng xe.	9. Xe dừng hẳn.	9. Thí sinh bị truất quyền thi khi: a) Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên; b) Xử lý tình huống gây va chạm, tai nạn; c) Xe bị choạng lái quá làn đường quy định.
10. Sử dụng phanh đỗ khi dừng xe.		10. Không vào đúng số khi tăng hoặc giảm số, bị trừ 10 điểm.
		11. Không bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe, bị trừ 10 điểm.
		12. Không giảm hết số trước khi dừng xe, bị trừ 10 điểm.
		13. Không sử dụng phanh đỗ khi dừng hoặc đỗ xe, bị trừ 10 điểm.
		14. Đỗ xe không tắt máy, bị trừ 10 điểm.
		15. Để xe chết máy, bị trừ 10 điểm.

THỰC HÀNH KỸ NĂNG LÁI XE

Tiến, lùi qua hình chữ chi và quay đầu xe trong sân hẹp

(Ban hành kèm theo Thông tư số 109/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

1. Quy định chung

a) Thí sinh thực hiện lái xe tiến, lùi qua hình chữ chi trước, nếu đạt yêu cầu sẽ thực hiện quay đầu xe trong sân hẹp;

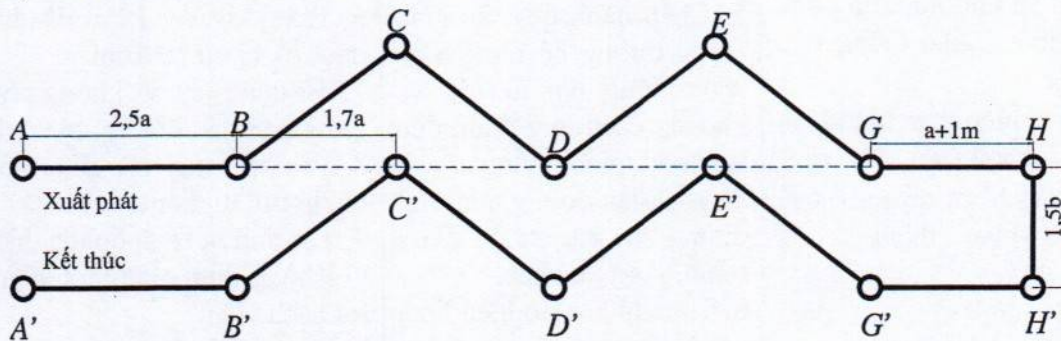
b) Tổng điểm bài thi qua 2 hình thi là 100, thí sinh thực hiện bài thi đạt từ 80 điểm trở lên thì đạt yêu cầu;

c) Các ký hiệu dùng trong tài liệu:

STT	Nội dung	Ký hiệu	Ghi chú
1	Chiều dài xe	a	Kích thước bao
2	Chiều rộng xe	b	

2. Lái xe tiến, lùi qua hình chữ chi

a) Kích thước hình thi:



$$BC' = C'D = DE' = E'G = 1,7a$$

$$AA' = BB' = CC' = DD' = EE' = GG' = HH' = 1,5b$$

$$AB = A'B' = 2,5a ; \quad GH = G'H' = a + 1m$$

b) Trình tự thực hiện bài thi:

Xuất phát đi số 1, vào khoang thứ nhất (BC-B'C') tăng lên số 2 tiếp tục đi qua hết các khoang, đến nhà xe (GH-G'H') cho xe dừng lại, sau đó cho xe lùi qua hết các khoang trở về vị trí ban đầu rồi ra khỏi hình thi để thực hiện tiếp bài quay đầu xe trong sân hẹp.

c) Yêu cầu kỹ thuật:

Trong quá trình tiến, lùi trong hình, xe không được dừng lại hoặc đổi chiều chuyển động. Xe không được chạm cọc, bánh xe không được đè lên vạch giới hạn. Thời gian thực hiện không quá 5 phút.

d) Các lỗi bị trừ điểm:

- Chạm một cọc chuẩn nhưng không đổ hoặc bánh xe đè lên vạch giới hạn, mỗi lần trừ 10 điểm;

- Đổ một cọc chuẩn, mỗi lần trừ 15 điểm;

- Xe bị chết máy trong hình, mỗi lần trừ 5 điểm;

- Không thực hiện đúng trình tự bài thi, bị truất quyền thi.

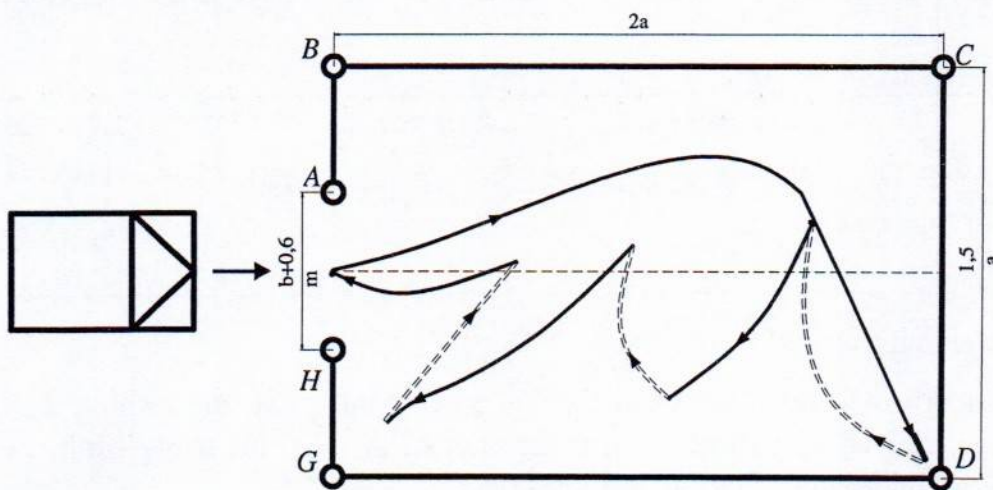
3. Quay đầu xe trong sân hẹp

a) Kích thước hình thi:

$$BC = GD = 2a$$

$$BG = CD = 1,5a$$

$$AH = b + 0,6m$$



b) Trình tự thực hiện bài thi:

Cho xe tiến vào trong sân hẹp (hình thi), được phép tiến lùi tối đa 4 lần rồi đưa xe ra khỏi hình thi.

c) Yêu cầu kỹ thuật:

Quá trình tiến, lùi trong sân, xe không được chạm cọc, bánh xe không được đè lên vạch giới hạn. Thời gian thực hiện không quá 7 phút.

d) Các lỗi bị trừ điểm:

- Chạm một cọc chuẩn nhưng không đổ hoặc bánh xe đè lên vạch giới hạn, mỗi lần trừ 10 điểm;

- Đổ một cọc chuẩn, mỗi lần trừ 15 điểm;

- Xe bị chết máy trong hình, mỗi lần trừ 05 điểm;

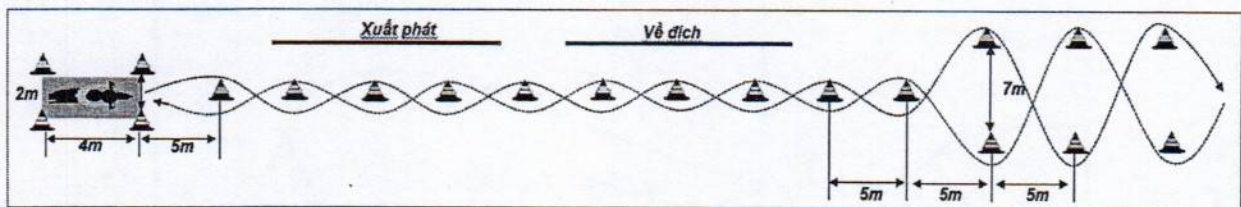
- Tiến lùi quá 4 lần hoặc không thực hiện đúng trình tự bài thi, truất quyền thi.

BÀI SÁT HẠCH
KỸ NĂNG LÁI XE NÂNG CAO MÔ TÔ HẠNG A
(Ban hành kèm theo Thông tư số 109/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)

1. Quy định chung

- a) Hai sát hạch viên theo dõi quá trình thực hiện bài thi và chấm trừ điểm các lỗi vi phạm của thí sinh;
- b) Tổng điểm bài sát hạch là 100, thí sinh đạt từ 80 điểm trở lên thì đạt yêu cầu.

2. Kích thước hình, trình tự sát hạch, yêu cầu kỹ thuật, lỗi trừ điểm



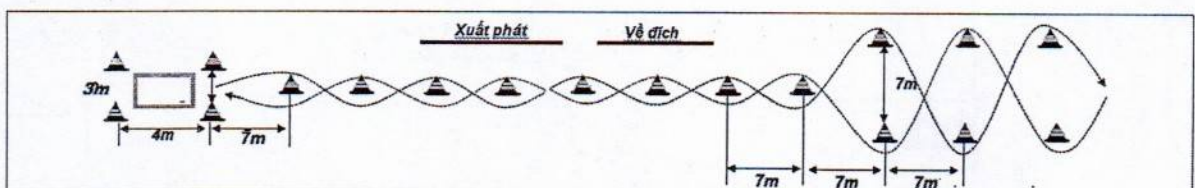
- a) Kích thước: $70m \times 10m = 700m^2$;
- b) Trình tự thực hiện bài thi: Từ vị trí xuất phát, điều khiển xe qua các hàng cọc tiêu về vị trí kết thúc, trong quá trình tiến, lùi trong hình, xe không được dừng lại hoặc đổi chiều chuyển động;
- c) Yêu cầu: Xe không được chạm cọc, bánh xe không được đè lên vạch giới hạn. Thời gian thực hiện không quá 02 phút.
- d) Các lỗi bị trừ điểm:
- Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm;
 - Chông chân, mỗi lần trừ 05 điểm;
 - Thực hiện bài thi quá 02 phút, cứ quá 30 giây trừ 05 điểm;
 - Chạm một cọc chuẩn nhưng không đổ hoặc bánh xe đè lên vạch giới hạn, mỗi lần trừ 05 điểm;
 - Đổ một cọc chuẩn, mỗi lần trừ 10 điểm;
 - Xe bị đổ, bị trút quyền thi;
 - Bánh xe ra khỏi giới hạn hình thi, bị trút quyền thi;
 - Không thực hiện đúng trình tự bài thi, bị trút quyền thi.

BÀI SÁT HẠCH
KỸ NĂNG LÁI XE NÂNG CAO MÔ TÔ HẠNG B1
(Ban hành kèm theo Thông tư số 109/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)

1. Quy định chung

- a) Hai sát hạch viên theo dõi quá trình thực hiện bài thi và chấm trừ điểm các lỗi vi phạm của thí sinh;
- b) Tổng điểm bài sát hạch là 100, thí sinh đạt từ 80 điểm trở lên thì đạt yêu cầu.

2. Kích thước hình, trình tự sát hạch, yêu cầu kỹ thuật, lỗi trừ điểm



- a) Kích thước, trình tự thực hiện:

Kích thước hình thi: $80m \times 10m = 800m^2$

Trình tự thực hiện bài thi: Từ vị trí xuất phát, điều khiển xe qua các hàng cọc tiêu về vị trí kết thúc

- b) Yêu cầu kỹ thuật:

Trong quá trình sát hạch, xe không được dừng lại hoặc đổi chiều chuyển động. Xe không được chạm cọc, bánh xe không được đè lên vạch giới hạn. Thời gian thực hiện không quá 03 phút.

- c) Các lỗi bị trừ điểm:

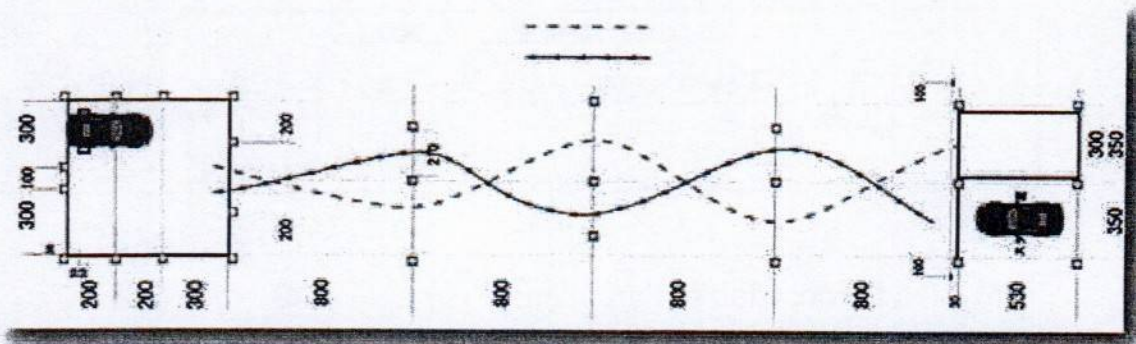
- Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm;
- Thực hiện bài thi quá 03 phút, cứ quá 30 giây trừ 05 điểm;
- Chạm một cọc chuẩn nhưng không đổ hoặc bánh xe đè lên vạch giới hạn, mỗi lần trừ 5 điểm;
- Đổ một cọc chuẩn, mỗi lần trừ 10 điểm;
- Bánh xe ra khỏi giới hạn hình thi, bị truất quyền thi;
- Không thực hiện đúng trình tự bài thi, bị truất quyền thi.

THỰC HÀNH
BÀI SÁT HẠCH KỸ NĂNG LÁI XE NÂNG CAO Ô TÔ HẠNG B, C1, C
(Ban hành kèm theo Thông tư số 109/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)

1. Quy định chung

- a) Hai sát hạch viên theo dõi quá trình thực hiện bài thi và chấm trừ điểm các lỗi vi phạm của thí sinh;
- b) Tổng điểm bài sát hạch là 100 điểm, thí sinh đạt từ 80 điểm trở lên thì đạt yêu cầu;
- c) Sử dụng xe ô tô con loại chuyển số tự động.

2. Kích thước hình, trình tự sát hạch, yêu cầu kỹ thuật, lỗi trừ điểm



a) Kích thước hình $8m \times 50m = 400m^2$, kích thước ô đỗ $50cm \times 1.900cm$

b) Trình tự thực hiện

Xuất phát đi từ nhà xe bên trái theo hướng mũi tên đi qua hết hàng cọc tiêu tiến vào bài quay đầu trong không gian hẹp, thao tác quay đầu để 02 bánh xe phía sau đỗ đúng vị trí đánh dấu. Sau đó tiếp tục lùi xe theo hướng nét đứt qua các hàng cọc tiêu và dừng xe ở nhà xe bên phải để kết thúc bài. Trong quá trình tiến, lùi trong hình, xe không được dừng lại hoặc đổi chiều chuyển động.

b) Yêu cầu kỹ thuật:

Xe không được chạm cọc; bánh xe không được đè lên vạch giới hạn, ra khỏi hình thi. Thời gian thực hiện không quá 03 phút.

c) Các lỗi bị trừ điểm:

- Chạm một cọc chuẩn nhưng không đỗ hoặc bánh xe đè lên vạch giới hạn, mỗi lần trừ 05 điểm;

- Thực hiện bài thi quá 03 phút, cứ quá 30 giây trừ 05 điểm;

- Đỗ một cọc chuẩn, mỗi lần trừ 10 điểm;

- Hai bánh sau không đỗ đúng vị trí đánh dấu, trừ 10 điểm;

- Bánh xe ra khỏi hình thi, bị truất quyền thi;

- Không thực hiện đúng trình tự bài thi, bị truất quyền thi.